

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 28/09/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 88/SGCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 10 năm 2021)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2021 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: (022) 7364.3826 Fax: (022) 7364.2312

Website: <http://damsanjsc.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bùi Thị Thu Huyền

Chức vụ: Nhân viên Phòng Kế toán – Tài chính

Số điện thoại: (022) 7364.3826/098 2066791

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 28/09/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 26/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 10 năm 2021.)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .../.../2021 tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Địa chỉ: Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Điện thoại: (022) 7364.3826

Fax: (022) 7364.2312

Website: <http://damsanjsc.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006

Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bùi Thị Thu Huyền

Chức vụ: Nhân viên Phòng Kế toán – Tài chính

Số điện thoại: (022) 7364.3826/098 2066791

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006, thay đổi lần thứ 11 ngày 28/09/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Damsan
Loại cổ phiếu:	Cổ phiếu phổ thông
Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá chào bán:	10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:	10.000.000 cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:	100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng)

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mỹ Trí, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3868 9566/88 Fax: (024) 3868 6248

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006 Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NGHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	1
1. Tổ chức phát hành.....	1
2. Tổ chức tư vấn.....	1
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	2
1. Rủi ro về kinh tế.....	2
2. Rủi ro về luật pháp.....	4
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	5
4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	7
5. Rủi ro pha loãng.....	7
6. Rủi ro quản trị công ty.....	10
7. Rủi ro khác.....	10
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	12
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	12
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành.....	14
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành.....	17
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.....	22
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ.....	23
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác.....	24
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	24
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	25
10. Hoạt động kinh doanh.....	33
11. Chính sách đối với người lao động.....	64
12. Chính sách cổ tức.....	66
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	66
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành.....	66

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán..... 66

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích..... 67

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH..... 67

1. Kết quả hoạt động kinh doanh..... 67

2. Tình hình tài chính..... 69

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành..... 80

3.1. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổ chức phát hành..... 80

3.2. Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Tổ chức phát hành..... 80

3.3. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổ chức phát hành..... 80

3.4. Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Tổ chức phát hành..... 80

3.5. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Tổ chức phát hành..... 80

3.6. Đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Tổ chức phát hành..... 81

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức..... 81

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG..... 83

1. Thông tin về cổ đông sáng lập..... 83

2. Thông tin về cổ đông lớn..... 83

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng..... 88

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... 106

1. Loại cổ phiếu..... 106

2. Mệnh giá..... 106

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán..... 106

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá..... 106

5. Giá chào bán..... 106

6. Phương pháp tính giá..... 106

7. Phương thức phân phối	106
8. Đăng ký mua cổ phiếu	107
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	107
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	108
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	108
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	108
13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	109
14. Các loại thuế có liên quan	109
15. Thông tin về các cam kết	110
16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	110
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	111
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	111
1. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	111
2. Thông tin về việc góp vốn của Công ty Cổ phần Damsan tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	112
3. Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình	113
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	117
1. Tổ chức tư vấn	117
2. Tổ chức kiểm toán	117
3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán	117
4. Đại lý phát hành cho cổ đông hiện hữu	118
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	118
XII. PHỤ LỤC	120

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam 2010-2020.....	3
Hình 2: CPI bình quân của Việt Nam (%).....	4
Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty.....	17
Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	17
Hình 5: Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty.....	34
Hình 6: Chu trình sản xuất kinh doanh của Công ty.....	36

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: So sánh EPS năm 2021 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần.....	8
Bảng 2: Quá trình tăng/giảm vốn điều lệ của Công ty.....	23
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 21/06/2021.....	24
Bảng 4: Năng lực sản xuất của Công ty.....	34
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ.....	37
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ.....	38
Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ theo báo cáo tài chính hợp nhất 38	
Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	39
Bảng 9: Sản lượng sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu.....	39
Bảng 10: Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/06/2021.....	40
Bảng 11: Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/06/2021.....	40
Bảng 12: Một số tài sản máy móc, thiết bị Công ty đang sở hữu tại ngày 30/06/2021.....	41
Bảng 13: Cơ cấu doanh thu theo thị trường hoạt động.....	45
Bảng 14: Cơ cấu lợi nhuận theo thị trường hoạt động.....	45
Bảng 15: Các hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay.....	48
Bảng 16: Danh sách khách hàng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay.....	54
Bảng 17: Danh sách nhà cung cấp lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay.....	56
Bảng 18: Bảng so sánh tài chính năm 2020 của một số công ty ngành sợi đã niêm yết/ đăng ký giao dịch.....	58
Bảng 19: Cơ cấu lao động của Công ty.....	64
Bảng 20: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty.....	66

Bảng 21: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính riêng	67
Bảng 22: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	67
Bảng 23: Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính riêng	69
Bảng 24: Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	69
Bảng 25: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh	70
Bảng 26: Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty	71
Bảng 27: Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty	72
Bảng 28: Tổng hợp tình hình công nợ của Công ty	72
Bảng 29: Các khoản phải thu theo báo cáo tài chính riêng	72
Bảng 30: Các khoản phải thu theo báo cáo tài chính hợp nhất	73
Bảng 31: Các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại ngày 30/06/2021	73
Bảng 32: Số dư các khoản phải trả của Công ty theo báo cáo tài chính riêng	75
Bảng 33: Số dư các khoản phải trả của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất	75
Bảng 34: Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính riêng	76
Bảng 35: Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính hợp nhất	76
Bảng 36: Các quỹ của Công ty	77
Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính riêng	77
Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính hợp nhất.....	78
Bảng 39: Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ năm 2021	81
Bảng 40: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021	81
Bảng 41: Danh sách cổ đông lớn của Công ty ngày 21/06/2021	83
Bảng 42: Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn tại ngày 21/06/2021	85
Bảng 43: Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến	107



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Ông Vũ Huy Đông	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Ông Vũ Huy Đức	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Chiến	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI

Ông Trần Thăng Long	Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
---------------------	------------------------------------

(Theo giấy ủy quyền số 90/2021/QĐ-PC ngày 07/04/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 27/2021/HĐTVPH-NHĐT ngày 06 tháng 05 năm 2021 với Công ty Cổ phần Damsan. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Damsan cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Môi trường kinh tế với những nhân tố cơ bản như tốc độ tăng trưởng kinh tế, chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... là yếu tố khách quan nhưng tác động trực tiếp đến sự phát triển của mọi ngành sản xuất, dịch vụ cũng như mọi doanh nghiệp. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những biến động vĩ mô nói trên của nền kinh tế. Do đó, kết quả kinh doanh và triển vọng phát triển của Công ty có thể bị ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro được đề cập dưới đây:

1. Rủi ro về kinh tế

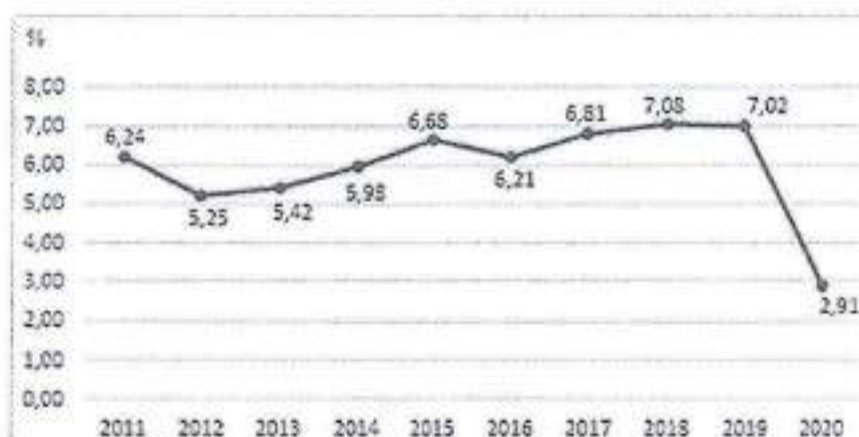
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là i) tốc độ tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP)

Sự tăng trưởng của nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế trong nước nói riêng tạo nên môi trường sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Kể từ sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), nền kinh tế Việt Nam đã dần dần hội nhập và gắn kết chặt chẽ với chuyển động của nền kinh tế toàn cầu.

Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu bị bao trùm bởi một màu ám đạm và rơi vào suy thoái sâu từ tác động của đại dịch COVID-19. Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định rằng nền kinh tế toàn thế giới đang trải qua giai đoạn tồi tệ nhất trong hơn 100 năm qua. Theo đó, tổ chức này ghi nhận mức tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020 ở mức âm 4,2%. Về dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021, OECD cho rằng mức tăng trưởng năm tới sẽ đạt 4,2% để bù đắp cho sự sụt giảm năm 2020 nhờ vào các chính sách tiền tệ, chiến dịch tiêm chủng và chính sách y tế có liên quan của Chính phủ các quốc gia. Đối lập với bức tranh ám đạm của nền kinh tế thế giới, theo nhận định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Việt Nam là một nền kinh tế mới nổi duy nhất nằm trong nhóm ASEAN-5 có mức tăng trưởng GDP dương trong năm 2020. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt tăng trưởng dương khi GDP tăng 2,91%, trong đó quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,62% và quý IV là 4,48%. Những số liệu trên cho thấy đây là mức tăng thấp nhất từ năm 2011 đến năm 2020, tuy nhiên lại là con số ấn tượng so với phần còn lại của thế giới, điều này cho thấy tính đúng đắn trong chi đạo cùng với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân của Chính phủ, các lĩnh vực kinh tế - xã hội đang bước vào trạng thái bình thường mới.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam 2010-2020



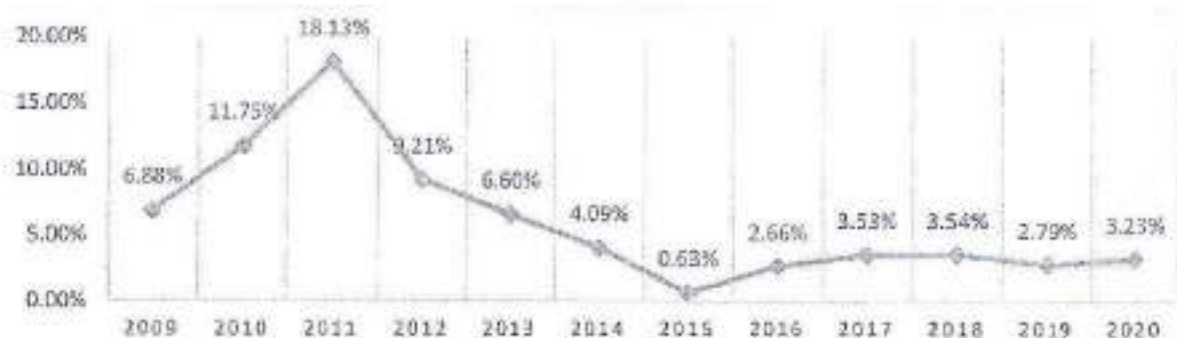
(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Với lĩnh vực kinh doanh chính là dệt may và bất động sản thì hoạt động kinh doanh của công ty trong năm 2020 ít nhiều bị ảnh hưởng bởi sự giảm sút của tăng trưởng GDP. Trước bất kỳ một thay đổi nhỏ nào của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, ban lãnh đạo Công ty cũng tiến hành phân tích, nghiên cứu và đưa ra các hành động cụ thể cho từng giai đoạn phát triển của Công ty. Chính vì thế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính và hoạt động của Công ty.

1.2. Rủi ro lạm phát

Bên cạnh GDP, chỉ số lạm phát cũng là một yếu tố vĩ mô phản ánh thực trạng nền kinh tế. Lạm phát ảnh hưởng đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Lạm phát cao có xu hướng tác động tiêu cực đến nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát cao trong giai đoạn 2010 – 2011 đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và buộc Chính phủ Việt Nam phải dành sự quan tâm hàng đầu. Đến năm 2014, chỉ số lạm phát đã giảm xuống mức 4,09% và 2015 chỉ còn 0,63%. Đây là mức lạm phát thấp nhất trong vòng 10 năm gần đây. Trong vài năm trở lại đây, Chính phủ luôn đề ra mục tiêu là tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt. Trong năm 2020, mặc dù giá thực phẩm tăng mạnh (đặc biệt là thịt lợn) nhưng do tác động của dịch COVID – 19 khiến cho nhu cầu về xăng dầu giảm mạnh dẫn tới giá dầu thấp và chưa thể hồi phục nhanh chóng. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước. CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016 - 2020.

Hình 2: CPI bình quân của Việt Nam (%)



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

1.3. Rủi ro về lãi suất

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nhằm giảm bớt khó khăn do tác động của dịch COVID-19, tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh, trong năm 2020 Ngân hàng Nhà nước liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1,5%-2%/năm. Hiện lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3%-3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2%-6,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,8%-6,9%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng có xu hướng giảm so với cuối năm 2019. Damsan chịu rủi ro phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty. Điều đó đòi hỏi Công ty phải theo dõi sát sao thị trường để có các phương án giải quyết phù hợp. Cụ thể, để giải quyết vấn đề rủi ro lãi suất tồn tại, Công ty đã quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty. Mặc dù các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và của ngành sợi và dệt may nói riêng đã và đang trong quá trình hoàn thiện, bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy hoạch phát triển ngành, các hiệp định thương mại với các nước và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty. Luật doanh nghiệp năm 2020 có nhiều tác động tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, giảm thiểu các thủ tục hành chính và nâng cao hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn luật pháp khi cần thiết.

Là một công ty đại chúng, ngoài sự tác động và chi phối chính của Luật Doanh nghiệp,



Damsan còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn là một nước đang phát triển, do đó, luật và các văn bản dưới luật ở giai đoạn này đang trong quá trình hoàn thiện. Sự thay đổi về chính sách là vấn đề tất yếu và ít nhiều gây ra ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro pháp lý là rủi ro thuộc khía cạnh hệ thống, đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích ứng phù hợp để phát huy tối đa mặt thuận lợi, hạn chế mặt bất lợi mà mỗi sự thay đổi chính sách gây ra đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra do hoạt động kinh doanh của Công ty đang có xu hướng xuất khẩu với nhiều khách hàng và các nhà cung cấp từ nước ngoài, Công ty cũng cần tuân thủ nghiêm ngặt theo các tập quán, luật pháp quốc tế và các quy định của các hiệp hội hoặc tổ chức chuyên môn trong ngành sợi về chính sách bán hàng, chính sách quản lý chất lượng hay chính sách về nhân công lao động và bảo vệ môi trường.

Để có sự thích nghi tốt nhất với những thay đổi về môi trường pháp lý ở Việt Nam và làm quen với các quy định của quốc tế, Damsan đã có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh các chính sách và điều luật mới thông qua các công ty tư vấn pháp luật hoặc các khóa đào tạo cập nhật kiến thức luật pháp cho nhân viên.

3. Rủi ro đặc thù ngành

3.1. Rủi ro đặc thù ngành dệt may

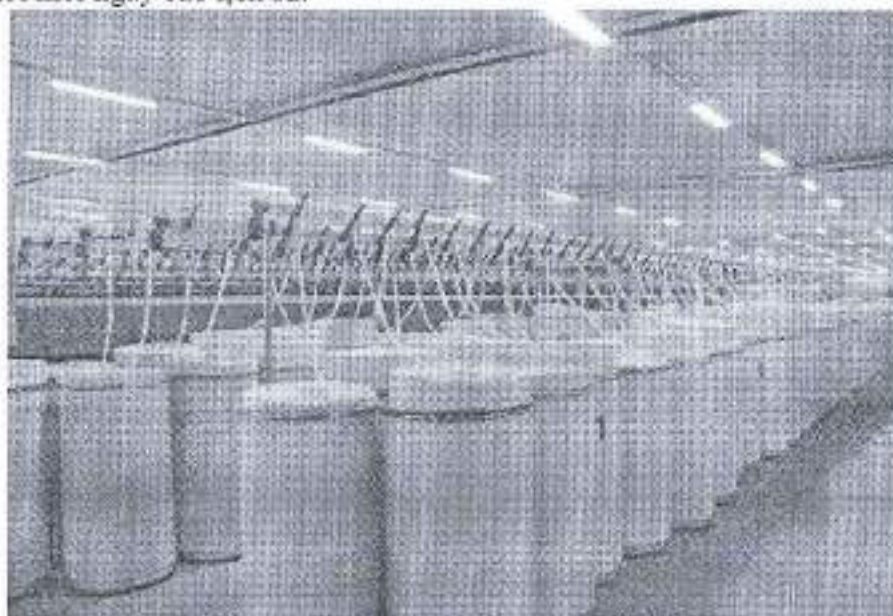
3.1.1. Rủi ro cạnh tranh

Trong những năm gần đây, Việt Nam là một trong rất ít quốc gia tại châu Á đã mở rộng hoạt động sản xuất của ngành kéo sợi. Không chỉ có các nhà đầu tư nước ngoài như Texthong Group (Hong Kong), Kyung Bang Việt Nam (Hàn Quốc), Itochu (Nhật Bản) mà cả các doanh nghiệp trong nước như Vinatex, Đại Cường, Phú Bài, Thiên Nam cũng đã tăng vốn đầu tư vào ngành công nghiệp này. Hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu phần lớn lượng sợi sản xuất ra, tình hình cạnh tranh về chất lượng sản phẩm, giá bán diễn ra gay gắt. Không chỉ thế, các hiệp định thương mại tự do sẽ không chỉ tạo ra cơ hội mà cũng thêm nhiều thách thức đối với các doanh nghiệp dệt may vì họ phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp mới thành lập hoặc mở rộng nhà máy tại Việt Nam để được hưởng lợi ích từ các hiệp định này.

Là doanh nghiệp sản xuất sợi lớn tại phía Bắc, Công ty Cổ phần Damsan đang phụ thuộc lớn vào thị trường xuất khẩu Trung Quốc. Các công ty của Việt Nam không chỉ cạnh tranh với nhau mà đang dần phải đối mặt với sự cạnh tranh từ chính các doanh nghiệp sợi Trung Quốc nhờ những chính sách ưu đãi đối với các doanh nghiệp sản xuất sợi tại nước này. Ngoài ra, khả năng mở rộng phát triển các thị trường xuất khẩu mới chưa được khai thác phát huy tối đa do thiếu nguồn lực nhân sự chất lượng cao, am hiểu ngành nghề, gắn bó với Công ty cũng là nguyên nhân khiến thị trường xuất khẩu của Công ty hiện nay chỉ tập trung vào Trung Quốc. Chính vì vậy, Công ty ý thức rõ những rủi ro khi hoạt động xuất khẩu bị phụ thuộc hoàn toàn vào một thị trường. Để hạn chế những ảnh hưởng từ thị trường Trung Quốc, ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của mặt hàng sợi Damsan.

3.1.2. Rủi ro từ nguyên vật liệu

Nguyên liệu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi phí sản xuất sợi và đặc biệt là bông/polyester chiếm tỷ trọng lớn nhất trong biến động giá nguyên liệu đầu vào của Công ty. Trước tình hình đại dịch toàn cầu, cũng như bất ổn kinh tế, ngành dệt may Việt Nam phải đối mặt với rủi ro vô cùng lớn về tồn kho ở cả nguyên vật liệu và thành phẩm do đây không phải mặt hàng thiết yếu. Hiện tại, Damsan chủ yếu nhập nguyên liệu từ Ấn Độ, nơi có giá thành bông thấp nhất thế giới. Tuy nhiên, Ấn Độ có số lượng ca mắc Covid đáng ngại. Đợt bùng phát trong tháng 3 và tháng 8 năm 2020 khiến Chính phủ Ấn Độ phải áp dụng biện pháp phong tỏa làm tê liệt hoạt động của nhiều doanh nghiệp trong đó có xuất khẩu bông. Việc Damsan nhập khẩu bông khối lượng lớn từ các doanh nghiệp Ấn làm tăng thêm rủi ro về khủng hoảng nguồn nguyên vật liệu, đặc biệt khi hiện nay Ấn Độ lại đứng trước một làn sóng bùng dịch mới với số ca nhiễm mới mỗi ngày cao lịch sử.



3.2. Rủi ro đặc thù ngành bất động sản

3.2.1. Rủi ro cạnh tranh

Cùng với chính sách khuyến khích của Nhà Nước đối với các Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đầu tư kinh doanh bất động sản, số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này ngày càng nhiều. Thêm vào đó là sự gia tăng áp lực cạnh tranh ngày càng lớn từ các tổ chức nước ngoài có tiềm lực về tài chính mạnh, về quản lý, công nghệ và nhân lực. Hơn nữa, Công ty mới chuyển mình sang hoạt động tại lĩnh vực xây dựng, kinh doanh bất động sản. Bởi vậy, việc phải cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp trong ngành là điều tất yếu.

3.2.2. Rủi ro về khả năng huy động vốn để đầu tư các dự án bất động sản

Các dự án bất động sản luôn cần một khoản vốn lớn để thực hiện. Việc thiếu vốn có thể ảnh hưởng đến tiến độ công trình hoặc làm Công ty mất đi cơ hội đầu tư. Công ty luôn duy trì việc áp dụng các biện pháp huy động vốn một cách linh hoạt và phù hợp nhất với các điều kiện kinh doanh cụ thể tại từng thời điểm để có thể đảm bảo duy trì việc phát triển các dự án một cách liên tục và kịp thời với chi phí vốn hợp lý nhất.



4. Rủi ro của đợt chào bán, của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Hiện nay, cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) nên giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu tác động cung cầu của thị trường. Mọi quan hệ cung cầu này lại chịu ảnh hưởng từ những yếu tố kinh tế vĩ mô, vĩ mô và tâm lý chung của nhà đầu tư. Tuy nhiên, với triển vọng tăng trưởng tốt của Công ty thì khả năng thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư đối với cổ phiếu của Công ty là lớn, và đảm bảo sự thành công của đợt chào bán. Bên cạnh đó, trong trường hợp không phân phối hết số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán, HĐQT ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các nhà đầu tư khác và/hoặc cổ đông với điều kiện chào bán không ưu đãi hơn so với các cổ đông hiện hữu, tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu của Công ty.

4.2. Rủi ro đối với mục đích sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 24042021/NQ-DHĐCĐ/ADS ngày 24/04/2021, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu là 100.000.000.000 đồng sẽ được Công ty Cổ phần Damsan góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân.

Với kết quả kinh doanh đã đạt được trong những năm qua cùng với tiềm năng, triển vọng phát triển của Công ty trong thời gian tới, cổ phiếu ADS sẽ thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư. Hơn nữa, trong đợt chào bán này, cổ phiếu phát hành thêm của Công ty được chào bán ở mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu, thấp hơn so với giá thị trường của cổ phiếu ADS (giá thị trường của cổ phiếu ADS trung bình 6 tháng đầu năm 2021 là: 15.304 đồng). Do đó, đợt chào bán có khả năng thành công. Trường hợp số lượng vốn huy động không đạt đủ như dự kiến, HĐQT ủy quyền cho HĐQT thực hiện điều chỉnh giảm số lượng cổ phần đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân theo thực tế số tiền thu được hoặc huy động thêm vốn từ nguồn vốn khác để góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân với số tiền như dự kiến.

5. Rủi ro pha loãng

Công ty hiện đã có cổ phiếu đang lưu hành trên thị trường, do đó việc chào bán cổ phiếu công chúng sẽ dẫn đến hiện tượng cổ phiếu bị pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần (EPS); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

5.1. Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân}}$$

Giả định thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm là: 5 tháng

Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ là:

$$\text{SL cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{28.069.450 \times 12 + 10.000.000 \times 5}{12} = 32.236.117 \text{ cổ phiếu}$$

Bảng 1: So sánh EPS năm 2021 trong trường hợp pha loãng thu nhập trên cổ phần

TT	Nội dung	Đơn vị	Không phát hành	Phát hành
Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh riêng của ADS				
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	50.000.000.000	50.000.000.000
2	Số CP lưu hành bình quân	Cổ phiếu	28.069.450	32.236.117
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	1.782	1.551
Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của ADS				
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	59.000.000.000	59.000.000.000
2	Số CP lưu hành bình quân	Cổ phiếu	28.069.450	32.236.117
3	EPS	Đồng/cổ phiếu	2.102	1.830

(Nguồn: Damsan)

Như vậy, đợt chào bán cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu.

Tuy nhiên việc EPS dự kiến năm 2021 điều chỉnh giảm chỉ là nhất thời, với nguồn vốn thu được từ đợt chào bán thì hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sẽ đạt được những hiệu quả nhất định và sẽ có thể tạo được sự tăng trưởng EPS trong những năm tiếp theo.

5.2. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)}}{\text{Tổng số cổ phần đang lưu hành (cổ phần)}}$$

Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2021 của Công ty:

Chỉ tiêu	30/06/2021
Theo báo cáo tài chính riêng	
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)	413.461.061.776
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	28.069.450
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	14.730
Theo báo cáo tài chính hợp nhất	



Chi tiêu	30/06/2021
Tổng giá trị vốn chủ sở hữu (đồng)	468.388.561.757
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	28.069.450
Giá trị sổ sách (đồng/CP)	16.687

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Sau khi hoàn thành đợt phát hành, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Nếu tốc độ tăng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu sẽ giảm và ngược lại.

5.3. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết

Do đợt chào bán được thực hiện theo phương thức thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu nên sẽ không làm giảm tỷ lệ nắm giữ, quyền biểu quyết của các cổ đông nếu các cổ đông thực hiện quyền đầy đủ. Tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông sẽ giảm trong trường hợp cổ đông từ chối hoặc chuyển nhượng quyền mua cổ phần (so với thời điểm trước ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu).

Với phương án phát hành cổ phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt với tỷ lệ biểu quyết thông qua, cổ đông đã được chuẩn bị về đợt chào bán này, do đó, khả năng pha loãng tỷ lệ sở hữu của các cổ đông hiện hữu được đánh giá ở mức thấp.

5.4. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Trong đợt phát hành này, ADS chào bán 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Trường hợp giá giao dịch lớn hơn giá chào bán, tại ngày giao dịch không hưởng quyền giá cổ phiếu của Công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định.

Giá cổ phiếu sau khi pha loãng được tính theo công thức sau:

$$P_{ic} = \frac{PR_{t-t} + (I_1 \times P_{t1})}{1 + I_1}$$

Trong đó:

P_{ic} : Giá tham chiếu tại Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

PR_{t-t} : Giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền.

P_{t1} : Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.

I_1 : Tỷ lệ vốn tăng thêm do phát hành quyền mua cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Ví dụ

Giá sử giá đóng cửa của cổ phiếu ADS tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Giao Dịch Không Hưởng Quyền là 18.000 đồng/cổ phiếu và cổ phiếu phát hành thêm được chào bán với giá 10.000 đồng, giá cổ phiếu của ADS sau khi pha loãng tính theo công thức:

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{18.000 + (200.000/561.389 \times 10.000)}{1 + (200.000/561.389)} = 15.898 \text{ đồng/CP}$$

Như vậy, việc phát hành thêm lượng cổ phiếu như trên sẽ làm pha loãng giá cổ phiếu



của Công ty

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị Công ty xuất phát từ việc quản trị Công ty không tốt, thiếu nhất quán, ảnh hưởng đến sự phát triển ổn định và lâu dài, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Trong trường hợp Hội đồng quản trị quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các cổ đông, giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bên liên quan, giữa cổ đông với Công ty, ... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, quyền lợi của các cổ đông và người lao động.

Trong trường hợp Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán này không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Ngoài ra, việc phát hành cổ phiếu cũng tạo áp lực về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn, ... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa phù hợp.

Để khắc phục những rủi ro có thể xảy ra nêu trên, Công ty luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cũng như công tác giám sát từ Ban kiểm soát, thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được DHCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện hệ thống website, thực hiện công bố thông tin thường xuyên tới các cổ đông, thực hiện tốt công tác quản trị, quan hệ cổ đông.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng khi xảy ra có thể gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu những rủi ro này, Damsan thường xuyên nắm bắt kịp thời các thông tin trên các phương tiện truyền thông, xã hội, cũng như thường xuyên kiểm tra hệ thống phòng chống cháy nổ tại Công ty để giảm thiểu và phòng ngừa những tổn thất lớn có thể xảy ra.

III. CÁC KHÁI NIỆM

ADS	Mã cổ phiếu của Công ty Cổ phần Damsan
BDS	Bất động sản
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCCD	Căn cước công dân
CMND	Chứng minh nhân dân
Công ty, Tổ chức phát hành, Damsan, ADS	Công ty Cổ phần Damsan
CP	Cổ phần
CTCK	Công ty Chứng khoán
CTCP	Công ty cổ phần
DTT, LNST	Doanh thu thuần, Lợi nhuận sau thuế
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ Công ty	Điều lệ của Công ty Cổ phần Damsan
ĐKDN	Đăng ký doanh nghiệp
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
HDQT	Hội đồng quản trị
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
KTT	Kế toán trưởng
TGD	Tổng Giám đốc
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt - Chi nhánh Hà Nội
TV	Thành viên
VSD	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân
XK	Xuất khẩu



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN**
- Tên viết tắt: **DAMSAN JSC**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **DAMSAN JOINT STOCK COMPANY**
- Giấy chứng nhận ĐKDN số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 28 tháng 9 năm 2020
- Trụ sở chính: **Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam**
- Điện thoại: **02273.643.826**
- Fax: **02273.642.312**
- Website: **<http://www.damsanjsc.vn/>**
- Email: **hc1@damsanjsc.vn**
- Vốn điều lệ: **280.694.500.000 đồng**
- Người đại diện theo pháp luật: **Ông Vũ Huy Đông, Chủ tịch Hội đồng quản trị**
- Mã cổ phiếu: **ADS**
- Sàn niêm yết: **HOSE**
- Ngành nghề kinh doanh:

Mã ngành	Tên ngành, nghề kinh doanh
4212	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông (cầu, đường bộ)
4221	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp
4222	Xây dựng công trình cấp, thoát nước
4223	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc
4229	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hóa xã hội và các loại công trình công ích khác.
4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.
4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí
4641	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

	Chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế công trình cấp - thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình nông nghiệp & PTNT; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; thẩm tra: Thẩm tra thiết kế + dự toán công trình xây dựng DD&CN; thẩm tra thiết kế + dự toán công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp; giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát công trình NN&PTNT; giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; khảo sát xây dựng; khảo sát địa hình; tư vấn quản lý dự án công trình giao thông (cầu, đường bộ), lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật, lập dự án ĐTXD; tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu.
4102	Xây dựng nhà không để ở
1392	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)
1393	Sản xuất thảm, chăn, đệm
4101	Xây dựng nhà để ở
1311 (Chính)	Sản xuất sợi
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
1312	Sản xuất vải dệt thoi
1313	Hoàn thiện sản phẩm dệt
4771	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng)
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng



4752	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4321	Lắp đặt hệ thống điện

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Tháng 03/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủ công mỹ nghệ Hà Nội (Artexport) đã đàm phán hợp tác đầu tư thực hiện dự án Nhà máy kéo sợi dệt may hoàn tất công suất 3.500 tấn/năm tại Thái Bình. Tháng 4/2006, UBND tỉnh Thái Bình đã ra quyết định phê duyệt dự án và cho Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình thuê đất để xây dựng Nhà máy sợi tại Khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh – Thái Bình. Tháng 05/2006, Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Thái Bình và các thành viên trong Công ty Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ Hà Nội quyết định góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan và quyết định để cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan làm chủ đầu tư và thực hiện dự án.

Ngày 12/06/2006, Sở Kế hoạch Đầu tư Thái Bình cấp giấy phép kinh doanh lần đầu số 0803000284 cho Công ty Cổ phần Dệt sợi Damsan.

Tháng 06/2006, Công ty khởi công xây dựng nhà máy Damsan I với tổng vốn đầu tư 121 tỷ đồng với công suất 2.880 tấn sợi OE/năm và 2.220 tấn sợi CD/năm tại khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, TP. Thái Bình, Tỉnh Thái Bình với các máy móc chính nhập từ Cộng hòa LB Đức và Thụy Sĩ.

Năm 2009, Công ty đạt danh hiệu “Doanh nghiệp Việt Nam vàng” của Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam.

Tháng 6/2010, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư nhà máy Damsan II với tổng vốn đầu tư là 10 triệu USD với công suất là 3.600 tấn sợi OE/năm và 720 tấn khăn/năm tại khu công nghiệp Gia Lễ, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Các máy móc dây chuyền công nghệ hiện đại được nhập khẩu từ Cộng hòa LB Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản ...

Ngày 30/05/2011 Công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1566/UBCK-QLPH. Việc trở thành công ty đại chúng thể hiện cam kết và tầm nhìn của Ban lãnh đạo Công ty về một doanh nghiệp hướng tới lợi ích tối đa cho cổ đông và khách hàng, đồng thời cũng là cam kết về nâng cao năng lực quản trị, minh bạch trong quản lý và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

Năm 2013, Công ty được chứng nhận đáp ứng các tiêu chí về năng lực cạnh tranh quốc tế và được trao tặng giải thưởng Sao vàng Đất Việt cùng danh hiệu Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế. Công ty đã khai thác tối đa thị trường nước ngoài, đưa kim ngạch xuất khẩu khăn và sợi từ 32 triệu USD (năm 2012) lên 38,7 triệu USD (năm 2013).

Năm 2014, Công ty đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh sợi OE, CD và kinh doanh bông nguyên liệu, kinh doanh sợi qua việc gia công, sản xuất và xuất khẩu khăn bông; Đầu tư thành công dây chuyền sợi cộc với 12.000 cọc và lắp đặt lại máy móc thiết bị cho phù hợp với sản xuất; Khởi công đầu tư xây dựng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng

Đạo, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, quy mô 18 tầng, 256 căn hộ; Xây dựng chủ trương dài hạn phát triển Công ty tới năm 2018; Vận hành tài chính tiền tệ trong xuất nhập khẩu, đảm bảo có lãi.

Ngày 23 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 100,7 tỷ đồng lên 160,7 tỷ đồng với mục tiêu đầu tư vào Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL và nâng tổng công suất sản xuất sợi lên 16.560 tấn sợi/năm.

Ngày 19/11/2015, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Damsan, phù hợp với định hướng phát triển và chiến lược của Công ty giai đoạn 2015 – 2020.

Năm 2015, Công ty bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại 56 Trần Hưng Đạo, Phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình. Bên cạnh đó, Công ty đã được Tỉnh Thái Bình chấp thuận đầu tư toà nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ.

Ngày 29/06/2016, Công ty thực hiện ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên trên HOSE với mã chứng khoán là ADS. Trong năm 2016, Công ty đầu tư thành công nhà máy sợi EIFFEL gần 300 tỷ với quy mô 40.000 cọc sợi tại Xã Đông Mỹ, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình; hoàn thành 85% dự án toà nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ. Mặt khác, Công ty đã giải phóng mặt bằng thành công 10,5ha tại Khu đô thị Phú Xuân Damsan gồm 274 lô nhà liền kề và 74 lô biệt thự.



Ngày 15/12/2017, Công ty chào bán thành công 8,6 triệu cổ phiếu với giá bán trung bình 17.000 đồng/cổ phiếu, thu về hơn 146 tỷ đồng. Bên cạnh đó, bàn giao đưa vào sử dụng tòa nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp tại Tổ 39, 40 Phường Quang Trung, thành phố Thái Bình

cao 15 tầng, quy mô 286 căn hộ vào tháng 7/2017. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Công ty đạt 70.5 triệu USD, tăng 74% so với năm 2016 và vượt kế hoạch đặt ra 1%. Trong đó giá trị xuất khẩu đạt hơn 42 triệu USD, tăng 78% so với năm 2016 và vượt 6% so với kế hoạch, cho thấy Công ty đã rất nỗ lực đẩy mạnh tìm kiếm bạn hàng xuất khẩu trong năm vừa qua.

Năm 2018, Công ty thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng; các dự án bất động sản triển khai thuận lợi. Đối với dự án Khu đô thị Phú Xuân Damsan, công tác giải phóng mặt bằng cơ bản xong tới 99%. Các lô đất hiện Công ty đã bán 95%, tiền bán đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ. Toà nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung đã đi vào khai thác.

Năm 2020, Công ty tăng vốn điều lệ lên 280.694.500.000 đồng thông qua việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019.

Các giải thưởng nổi bật của Damsan:

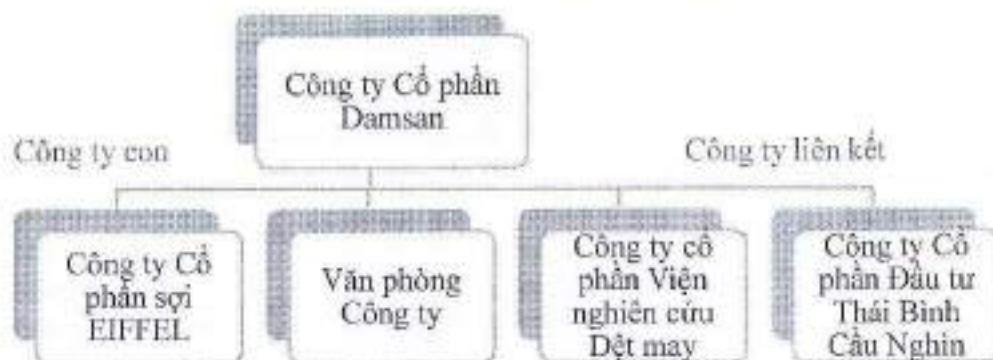
- Năm 2009 – Công ty đạt được danh hiệu “ Doanh nghiệp Việt Nam Vàng”.
- Năm 2013 – Công ty đạt giải thưởng Sao vàng Đất Việt & Top 100 Thương hiệu Việt Nam trong hội nhập quốc tế.



- Năm 2017 – Công ty đạt top 500 Các doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận lớn nhất Việt Nam & Top 50 Công ty Việt Nam thịnh vượng có tốc độ phát triển nhanh nhất.
- Năm 2018 - Công ty đạt top 60 thương hiệu, sản phẩm uy tín của ngành xây dựng Việt Nam & Được tặng cờ thi đua của Chính phủ.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành

Hình 3: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



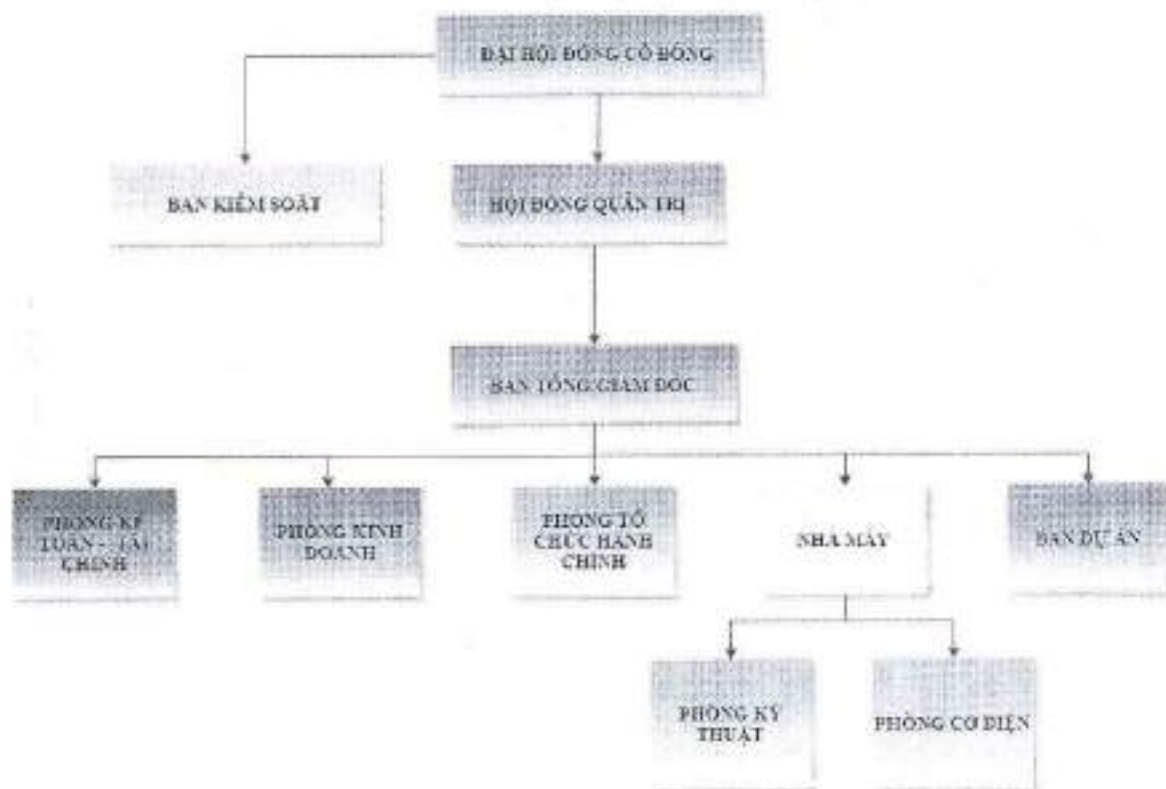
(Nguồn: Damsan)

Công ty Cổ phần Damsan được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Công ty có 01 công ty con và 02 công ty liên kết, chi tiết các công ty được trình bày ở mục IV.5 Bản cáo bạch này.

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo mô hình tổ chức công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty:

Hình 4: Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



(Nguồn: Damsan)

4.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

4.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ quy định.

Cơ cấu HĐQT hiện nay của Công ty như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Phạm Văn Thượng	Thành viên HĐQT độc lập

4.3. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên đủ cơ cấu để hoạt động theo quy định của Điều lệ, gồm những ông bà có tên sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Vũ Thuý Linh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát

4.4. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, có quyền và nhiệm vụ thực hiện các

Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất. Ban Tổng Giám đốc gồm có các thành viên như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc

4.5. Các phòng ban của Công ty

4.5.1. Phòng kế toán – tài chính

Phòng Kế toán – Tài chính có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Thực hiện chế độ kế toán, hạch toán theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;
- Chuẩn bị tài chính, thống kê và quản lý tài chính;
- Thực hiện phân tích thông tin, tính toán và phân tích các chỉ số báo cáo tài chính, so sánh các thông tin và các chỉ số giữa các kỳ;
- Đánh giá hiệu quả đầu tư kinh doanh của Công ty;
- Quản lý kho hàng của Công ty.

4.5.2. Phòng kinh doanh

Phòng kinh doanh có chức năng, nhiệm vụ như sau:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh theo tháng, quý, năm và triển khai thực hiện;
- Thiết lập, giao dịch trực tiếp với khách hàng, hệ thống kênh phân phối;
- Thực hiện hoạt động bán hàng, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận;
- Xây dựng hệ thống khách hàng là các công ty thương mại quốc tế;
- Thương mại điện tử: tiến hành quảng cáo trên các trang website điện tử quốc tế; Tham gia và tổ chức hội chợ hàng tiêu dùng quốc tế;
- Quản trị trang website của Công ty, bán hàng qua internet;
- Thu thập, phân tích và đánh giá các thông tin thị trường. Đưa ra các khuyến nghị, các ý kiến đề xuất về chiến lược kinh doanh quốc tế cho Ban Tổng Giám đốc;
- Theo dõi và đôn đốc tình hình thực hiện các đơn hàng xuất khẩu cũng như việc thu hồi công nợ khách hàng;
- Lập kế hoạch ngân sách năm, kiểm soát tình hình thực hiện ngân sách của bộ phận xuất khẩu và xin điều chỉnh nếu cần thiết;



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

- Phối hợp với các phòng ban trong Công ty nhằm cung ứng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng;
- Kiểm soát rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

4.5.3. Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tổ chức hành chính có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược tuyển dụng, sử dụng, đào tạo và phát triển nhân sự;
- Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đánh giá năng lực nhân sự và thực hiện đánh giá năng lực nhân sự, hiệu quả công việc của cán bộ nhân viên Công ty;
- Quản lý nhân sự;
- Quản lý và thực hiện Công tác hành chính;
- Lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng;
- Thực hiện các thủ tục theo luật định về lương, bảo hiểm, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ.

4.5.4. Nhà máy

Nhà máy bao gồm Nhà máy Damsan I và Nhà máy Damsan II.

- Nhà máy Damsan I là đơn vị sản xuất chính của Công ty chuyên sản xuất sợi CD32/1 100% cotton phục vụ xuất khẩu.
 - + Quy mô nhà máy 2 ha
 - + Sản lượng sợi bình quân 3.600 tấn sợi CD/năm
 - + Dây chuyền kéo sợi nội cộc theo tiêu chuẩn châu Âu
 - + Số lượng CBCNV: 250 người
- Nhà máy Damsan II là đơn vị sản xuất chính của Công ty chuyên sản xuất khăn bông cao cấp phục vụ xuất khẩu tại thị trường Nhật bản.
 - + Quy mô nhà máy 3,6 ha
 - + Sản lượng sợi bình quân 1.800 tấn khăn/năm
 - + Dây chuyền dệt khăn cao cấp theo tiêu chuẩn châu Âu
 - + Số lượng CBCNV: 210 người

a. Phòng Kỹ thuật

Đôn đốc sản xuất (may và kiểm hóa, đóng gói) bảo đảm sản lượng, chất lượng được giao; Đôn đốc công nhân thực hiện nghiêm túc quy trình sản xuất, nội quy, quy chế của Công ty; Đôn đốc giữ gìn bảo quản thiết bị máy móc đúng quy trình; Có quyền bố trí và sử dụng lao động trong xưởng phù hợp, đảm bảo sản xuất có hiệu quả.

b. Phòng Cơ điện:

- Chức năng: Giám sát và kiểm tra tình trạng hoạt động toàn bộ các thiết bị thuộc khu vực nhà máy sợi; Thu thập các thông tin về tình trạng hoạt động của các hệ thống, cập nhật các sự

cổ, hư hỏng của các hệ thống thiết bị; Phối hợp cùng phòng Kỹ Thuật nhà máy xác định nguyên nhân hư hỏng và đề xuất phương án xử lý, khắc phục các sự cố thiết bị gây ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sản phẩm; Lập kế hoạch thay thế sửa chữa, và các hạng mục cần dự phòng để đảm bảo thay thế kịp thời khi có sự cố hỏng hóc của các chi tiết máy; Phối hợp với công nhân vận hành thiết bị, quyết định ngừng hoạt động của thiết bị trong trường hợp khẩn cấp cần thiết; Tham mưu cho ban giám đốc quyết định việc sửa chữa thay thế và nâng cấp các thiết bị máy móc trong nhà máy; Bàn giao cho bộ phận công nghệ đưa thiết bị vào hoạt động chính thức sau khi đã được sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế qua thời gian chạy thử.

- **Nhiệm vụ:** Theo dõi kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động toàn bộ các thiết bị máy móc theo quy định của nhà sản xuất và của mỗi bộ phận cần chú ý; Kiểm tra các duy tu bảo dưỡng các máy móc theo hồ sơ của máy, có ghi chép nhận xét và yêu cầu để thực hiện; Lập kế hoạch thay thế, sửa chữa và mua phụ tùng dự phòng đảm bảo thay thế kịp thời khi có sự cố của các thiết bị máy móc trong nhà máy sợi; Thu thập các thông tin về tình trạng hoạt động của hệ thống thiết bị và yêu cầu các bộ phận cung cấp, cập nhật các sự cố, hư hỏng của các hệ thống thiết bị thuộc bộ phận mình quản lý; Phối hợp cùng người vận hành thiết bị để xác định nguyên nhân hư hỏng của thiết bị để tìm phương án xử lý kịp thời; Đánh giá trình độ chuyên môn thông qua các hình thức kiểm tra tay nghề; Thống kê các thiết bị cần sửa chữa, bảo dưỡng để xây dựng kế hoạch năm.

4.5.5. Ban Dự án

Ngày 15/03/2013 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần dệt sợi DamSan quyết định thành lập Ban quản lý dự án Khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp – DamSan để quản lý dự án Khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp – DamSan, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình. Ban quản lý dự án được thành lập có chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật bao gồm thực hiện những công việc của các giai đoạn sau:

- **Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:** Xin chấp thuận chủ trương đầu tư; Tổ chức đo đạc, thẩm định và trình duyệt quy hoạch tổng mặt bằng dự án; Lập, thẩm định và trình duyệt thiết kế cơ sở, báo cáo đánh giá tác động môi trường; Tổ chức lập và trình duyệt dự án.

- **Giai đoạn thực hiện đầu tư:** Tổ chức thực hiện các thủ tục giao nhận đất; Tiếp nhận quản lý mốc giới; rà phá bom mìn, vật liệu nổ và chuẩn bị mặt bằng xây dựng; Lập, thẩm tra và trình duyệt thiết kế và dự toán; xin giấy phép xây dựng và triển khai công việc chuẩn bị khởi công; Tổ chức và trình duyệt kế hoạch đấu thầu; hồ sơ mời thầu; tham gia hội đồng chấm thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu và thương thảo hợp đồng; Bàn giao mặt bằng, mốc giới cho các đơn vị thi công.

- **Giai đoạn kết thúc đầu tư:** Phối hợp với các cơ quan chức năng hoàn tất các thủ tục bàn giao dự án, công trình để đưa vào khai thác, sử dụng; Lập phương án tổ chức quản lý, vận hành, khai thác dự án.

- **Các công tác khác:** Phối hợp với chính quyền các cấp giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn xã hội trong khu vực dự án; Phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết

các thủ tục về đầu tư dự án, lập báo cáo thực hiện vốn đầu tư; Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng kinh doanh của dự án, đề xuất các biện pháp xử lý vướng mắc tồn tại của khách hàng; Triển khai các dịch vụ sau bán hàng.

5. **Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

5.1. **Công ty mẹ của tổ chức phát hành**

Không có

5.2. **Công ty con của tổ chức phát hành**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sợi EIFFEL
- Địa chỉ: Lô 159/14, khu công nghiệp Gia Lễ, Xã Đông Xuân, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam
- Vốn điều lệ: 175 tỷ đồng
- Giấy chứng nhận ĐKDN: số 1001067263 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 18/09/2020
- HKKD chính: Sản xuất kinh doanh sợi; Sản xuất vải dệt thoi; Hoàn thiện sản phẩm dệt.
- Tỷ lệ lợi ích của Damsan: 80%
- Tỷ lệ biểu quyết của Damsan: 80%

5.3. **Công ty liên kết của tổ chức phát hành**

5.3.1. **Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần - Viện nghiên cứu Dệt may
- Địa chỉ: 478 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- Vốn điều lệ: 50 tỷ đồng.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: số 0100100294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 11/04/2011 thay đổi lần 1 ngày 10/10/2018
- HKKD chính: Sản xuất sợi.
- Tỷ lệ lợi ích của Damsan: 30%
- Tỷ lệ biểu quyết của Damsan: 30%



5.3.2. **Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn
- Địa chỉ: Lô 36, đường Chu Văn An – Dự án Khu dân cư Đạm San – Quang Trung, tổ 07, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 180 tỷ đồng
- Giấy chứng nhận ĐKDN: số 1001221620 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 25/02/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09/07/2021.
- HKKD chính: Xây dựng cầu, đường bộ.
- Tỷ lệ lợi ích của Damsan: 45%

- Tỷ lệ biểu quyết của Damsan: 45%

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ

Kể từ ngày thành lập, công ty đã trải qua những lần tăng vốn như được trình bày dưới đây:

Bảng 2: Quá trình tăng/giảm vốn điều lệ của Công ty

TT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (Đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp phép	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	12/06/2006		12.000.000.000	Vốn điều lệ đăng ký thành lập	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có
2	10/08/2007	20.329.000.000	32.329.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có
3	20/08/2010	27.671.000.000	60.000.000.000	Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có
4	21/06/2012	20.700.000.000	80.700.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có
5	24/06/2013	20.000.000.000	100.700.000.000	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có
6	23/10/2015	60.000.000.000	160.700.000.000	Chào bán cổ phần riêng lẻ	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có
7	08/11/2016	8.034.810.000	168.734.810.000	Phát hành	UBCKNN,	Không

TT	Thời điểm tăng/giảm vốn	Giá trị vốn tăng/giảm (Đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (Đồng)	Hình thức tăng/giảm vốn	Đơn vị cấp phép	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
				cổ phiếu trả cổ tức năm 2015	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Có
8	13/12/2017	86.443.200.000	255.178.010.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có
9	21/08/2020	25.516.490.000	280.694.500.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019	UBCKNN, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình	Không có

(Nguồn: Damsan)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Công ty tại các doanh nghiệp khác

Theo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Công ty, giá trị tổng tài sản của Công ty là 1.568 tỷ đồng. Từ năm 2019 cho đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản góp vốn, thoái vốn lớn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên (trên 156,8 tỷ đồng).

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 21/06/2021

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	1578	27.844.006	278.440.060.000	99,20
1	Tổ chức	20	1.058.676	10.586.760.000	3,78
2	Cá nhân	1558	26.785.330	267.853.300.000	95,42
3	Cổ đông ưu đãi	-	-	-	-
II	Cổ đông nước ngoài	20	225.444	2.254.440.000	0,80



STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ/ Vốn Điều Lệ (%)
1	Tổ chức	8	217.792	2.177.920.000	0,77
	<i>Tổ chức có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</i>	8	217.792	2.177.920.000	0,77
2	Cá nhân	12	7.652	76.520.000	0,03
3	Cổ đông ưu đãi	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	1598	28.069.450	280.694.500.000	100
	<i>Trong đó</i>				
	<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		28.069.450	280.694.500.000	100
	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-	-	-

(Nguồn: Danh sách cổ đông do VSD lập ngày 21/06/2021)

Ghi chú: Toàn bộ cổ phiếu đã phát hành và đang lưu hành của Damsan đều là cổ phiếu phổ thông.

- Các loại chứng khoán khác: Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam được tuân theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, trong đó quy định tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài tại công ty đại chúng được quy định như sau:

- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;
- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;
- Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;
- Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp trên, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;
- Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành,



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

ngành có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Theo thông tin được đăng tải trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia về ngành nghề kinh doanh của Công ty và danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (<https://dichvuthongtin.dkkd.gov.vn>) và một số văn bản pháp luật liên quan khác, Công ty xin thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài bị hạn chế tại Công ty cụ thể như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cơ bản hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ Công ty (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1.	(1392) Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
2.	(1393) Sản xuất thảm, chân đệm	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
3.	(4101) Xây dựng nhà để ở	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%(*)	
4.	(4102) Xây dựng nhà không để ở	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%(*)	Không có
5.	(4212) Xây dựng công trình đường bộ	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%(*)	
6.	(4221) Xây dựng công trình điện Chi tiết: Thi công xây dựng đường dây và trạm biến áp	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%(*)	
7.	(4222) Xây dựng công trình cấp, thoát nước	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%(*)	



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

STT	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ Công ty (nếu có)
8.	(4225) Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	Không quy định	Không quy định	50% ^(*)	
9.	(4229) Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi; xây dựng các công trình văn hóa xã hội và các loại công trình công ích khác	Không quy định	Không quy định	50% ^(*)	
10.	(4299) Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp; xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước), công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.	Không quy định	Không quy định	50% ^(*)	
11.	(4322) Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
12.	(4641) Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn	Không quy định	Không quy định	Không quy định	



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật có phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ Công ty (nếu có)
13.	(7730) Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	AFAS, VKFTA; không vượt quá 51%	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
14.	(7110) Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế công trình dân dụng - công nghiệp; thiết kế công trình cấp - thoát nước; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế xây dựng công trình giao thông, công trình nông nghiệp & PTNT; thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; thẩm tra: Thẩm tra thiết kế + dự toán công trình xây dựng DD&CN; thẩm tra thiết kế + dự toán công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát thi công xây dựng công trình; giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp; giám sát công trình hạ tầng kỹ thuật; giám sát công trình giao thông (cầu, đường bộ); giám sát công trình NN&PTNT; giám sát công tác lập đặt thiết bị vào công trình; khảo sát xây dựng; khảo sát địa hình; tư vấn quản lý dự án công trình giao thông (cầu, đường bộ), lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình dân dụng, công nghiệp, lập dự án đầu tư xây dựng; tư vấn quản lý dự án công trình hạ tầng kỹ thuật, lập dự án DTXD;	Không hạn chế	Không quy định	Không quy định	50%(**)	



STT	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật có phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ Công ty (nếu có)
	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh				
	tư vấn lập hồ sơ môi trường, đánh giá hồ sơ dự thầu, tư vấn lựa chọn nhà thầu.				
15.	(2592) Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
16.	(4663) Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
17.	(4752) Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
18.	(4330) Hoàn thiện công trình xây dựng	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%(*)
19.	(4321) Lắp đặt hệ thống điện	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
20.	(4662) Bán buôn kim loại và quặng kim loại chi tiết; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
21.	(4771)	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định



BÁN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

STT	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật có phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ Công ty (nếu có)
	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh				
	Bán lẻ hàng may mặc, giấy dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh Chỉ tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh	định	định		
22.	(1313) Hoàn thiện sản phẩm dệt	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
23.	(1312) Sản xuất vải dệt thời	Không quy định	Không quy định	Không quy định	
24.	(6810) Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%(*)
25.	(4659) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chỉ tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định
26.	(4669) Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chỉ tiết: Bán buôn sợi dệt, bông	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định



STT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế (cụ thể Hiệp định quốc tế)	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật có phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ Công ty (nếu có)
27.	(1311) Sản xuất sợi	Không quy định	Không quy định	Không quy định	Không quy định	50%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng

(*) là ngành thuộc Danh mục ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện và tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế.

[Phần còn lại của trang được có ý để trống]



Theo công văn số 3431/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 09/07/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Damsan hiện tại là 50%.

Như vậy:

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: 50%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ công ty (nếu có): Không có
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành hiện tại (ngày 27/09/2021¹): 1,36%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty Cổ phần Damsan hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm các sản phẩm từ bông bao gồm: Sản xuất sợi từ bông, sản xuất khăn bông và kinh doanh bông nguyên liệu. Bắt đầu từ năm 2013, bên cạnh hoạt động cốt lõi, Công ty bắt đầu đầu tư vào hoạt động kinh doanh nhà ở xã hội và xây dựng nhà ở thương mại tại Thành phố Thái Bình. Khác với các doanh nghiệp chuyên đầu tư bất động sản và chịu rủi ro biến động giá của bất động sản, hoạt động kinh doanh này của Damsan lại mang tính đặc thù khác. Đây là hoạt động dựa theo chính sách của tỉnh Thái Bình, có lộ trình thực hiện rõ ràng, nhà bán đứng tiến độ, mang lại nguồn thu ổn định.

Công ty hiện đang quản lý trực tiếp 02 nhà máy và một nhà máy do công ty con quản lý với tổng công suất 12.000 tấn sợi/năm và 2.040 tấn khăn/năm.

- Nhà máy I đầu tư năm 2007 với tổng mức đầu tư 170 tỷ đồng, quy mô 27 nghìn cọc sợi và đã thực hiện khấu hao 90% vào năm 2016, giảm chi phí khấu hao 13 tỷ/năm;
- Nhà máy II được đầu tư năm 2010 với tổng mức đầu tư với dây chuyền dệt khăn cao cấp trị giá 140 tỷ đồng, có quy mô 200 tấn khăn/tháng. Nhà máy II sẽ hết toàn bộ khấu hao vào năm 2023, giảm chi phí khấu hao 8 tỷ đồng/năm;
- Nhà máy kéo sợi Eiffel (do Công ty Cổ phần Sợi Eiffel quản lý) có tổng mức đầu tư 291 tỷ đồng và công suất 40 nghìn cọc. Nhà máy đi vào hoạt động từ quý III năm 2016.

10.1.1. Các hoạt động kinh doanh chính

a. Hoạt động sản xuất và kinh doanh sợi

Các sản phẩm của Công ty được làm từ bông thiên nhiên và có đặc thù khác với các doanh nghiệp sợi tổng hợp khác. Sợi bông là loại sợi thiên nhiên có khả năng hút/ thấm nước rất cao (65% so với trọng lượng). Sợi bông có khuynh hướng dính bẩn và dính dầu mỡ, dù vậy có thể giặt sạch được. Sợi bông thân thiện với da người (không làm ngứa) và không tạo ra các nguy cơ dị ứng việc khiến cho sợi bông trở thành nguyên liệu quan trọng trong ngành dệt may và có vai trò thiết yếu đối với đời sống hàng ngày.

Trong khi đó các loại sợi khác như lụa dù mang tính thời trang, nhưng lại có nhiều nhược điểm nên sản lượng thấp, còn sợi Polyester được ứng dụng nhiều trong ngành công nghiệp để sản xuất các loại sản phẩm như quần áo, đồ nội thất gia dụng, vải công nghiệp, vật

¹ Nguồn: <https://www.hsx.vn/Moduldes/Cms/Web/ViewArticle/af415f73-6e58-47fc-b9bc-29e073e472cb>

liệu cách điện...

Các sản phẩm sợi của Công ty bao gồm: Sợi CD có chỉ số từ 20 đến 40; là loại sợi 100% cotton chải thô, có tính năng hút ẩm tốt, dễ chịu khi tiếp xúc với da người và thường dùng để dệt các loại vải mềm trong lĩnh vực may mặc.

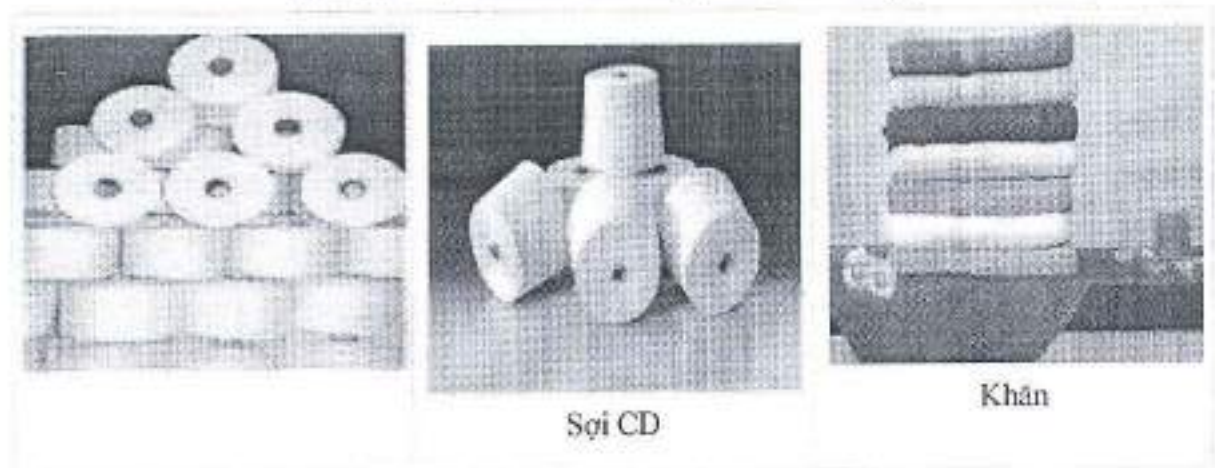
b. Hoạt động sản xuất và kinh doanh khăn bông

- Các sản phẩm khăn bao gồm: Khăn mặt, khăn thể thao, khăn ăn, khăn tắm, khăn đi biển cao cấp Dobby và Jacquard

Các loại khăn trên được dệt từ chính các loại sợi 100% cotton do Damsan sản xuất như sợi OE 100% cotton Ne 10s, 16s, 20s... Sợi cộc như CD 100% Ne 20/1, CD 30/1, CD32/1, CD20/2, CD30/2... nên đảm bảo thấm nước tốt, mềm mại, sử dụng lâu không bị khô cứng, không bị mốc và độ bền màu cao.

Các loại khăn của Damsan đã được xuất hiện tại nhiều thị trường như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan...

Hình 5: Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty



(Nguồn: Damsan)

Bảng 4: Năng lực sản xuất của Công ty

Nhà Máy	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)	Số lượng cộc/roto	Tỷ trọng xuất khẩu	Thị trường tiêu thụ
I	Sợi CD	4.320	27.000 cộc	100%	Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc
III	Sợi CD	6.000	40.000 cộc	100%	Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc,
II	Sợi OE	7.200	3.400 roto	60%	Thị trường nội địa: Thái Bình, Nam Định, Hà Nam Thị trường xuất khẩu: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan
I	Khăn	1.440		100%	Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Nhà Máy	Sản phẩm	Công suất (tấn/năm)	Số lượng cọc/roto	Tỷ trọng xuất khẩu	Thị trường tiêu thụ
	thủ công				
II	Khăn cao cấp	600		100%	Châu Á, Châu Âu, Châu Mỹ

(Nguồn: Damsan)

c. Hoạt động kinh doanh bông nguyên liệu

Kinh doanh bông nguyên liệu: doanh thu từ hoạt động kinh doanh bông vẫn chiếm phần lớn trong tổng doanh thu của Công ty trong năm 219. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty có chiến lược thu gọn hoạt động kinh doanh này, tăng cường việc sản xuất các sản phẩm từ bông.

- Chu trình sản xuất kinh doanh của Damsan bao gồm các bước:

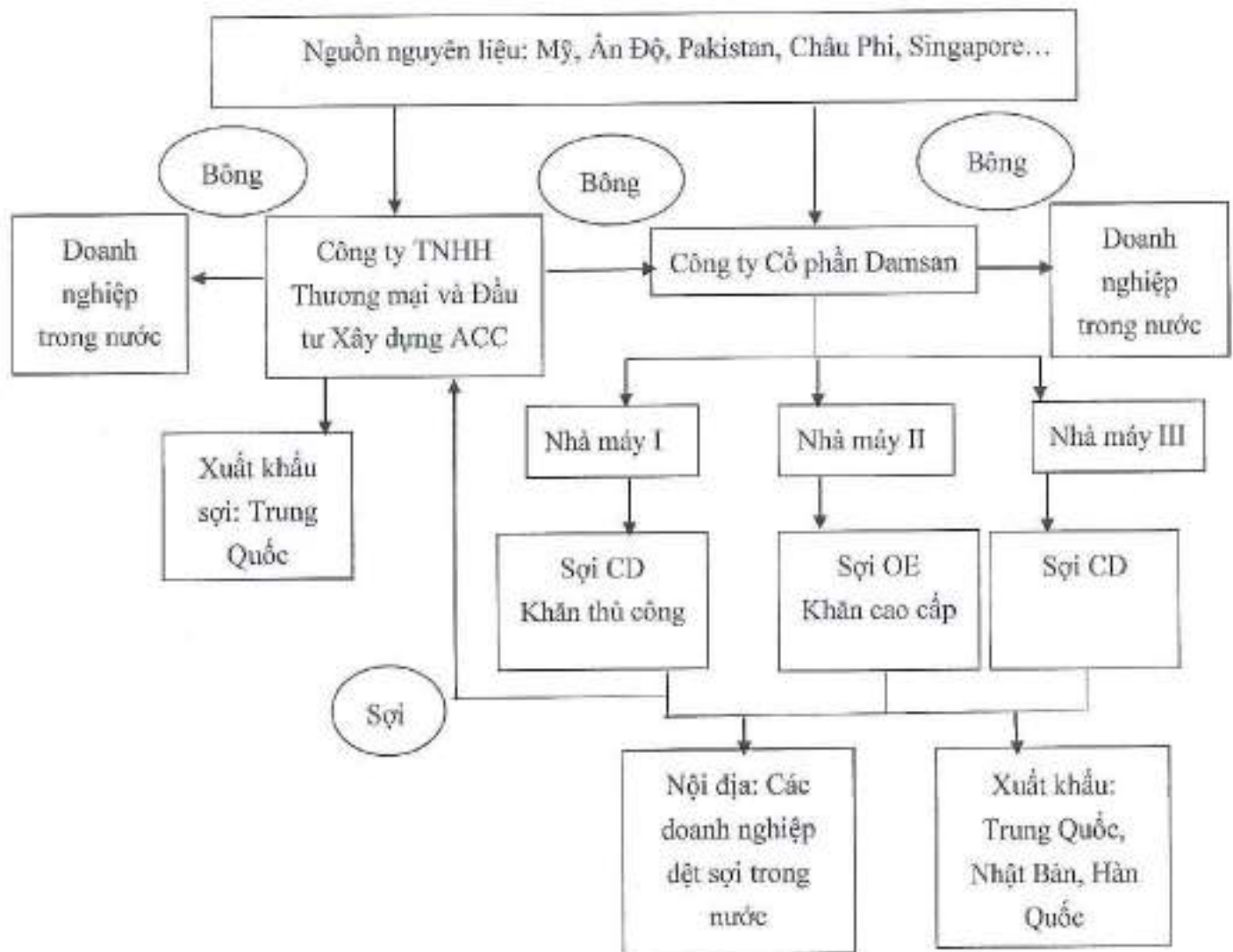
Nhập bông nguyên vật liệu từ Mỹ, Ấn Độ, Châu Phi, Pakistan, Singapore: hoạt động này do hai pháp nhân là Công ty Cổ phần Damsan và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Xây dựng ACC thực hiện.

Bông nhập về được phục vụ vào 2 mục đích: (1) sản xuất sợi và khăn đảm nhiệm bởi Công ty mẹ và (2) kinh doanh bán cho các doanh nghiệp địa phương.

Thành phẩm sẽ được xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

Như vậy, Công ty đang ở trong mạng lưới nguyên liệu thô và nguyên phụ liệu trong chuỗi giá trị của ngành dệt may, vốn có nhu cầu về đầu ra rất lớn. Khi gia nhập TPP, với quy tắc xuất xứ "từ sợi trở đi", nhu cầu sử dụng sợi trong nước được kỳ vọng tăng mạnh. Trước tình hình này, một số doanh nghiệp sản xuất xơ, sợi, dệt có tên tuổi trên thế giới đã tới Việt Nam để đầu tư. Bên cạnh đó Tập đoàn dệt may cũng đang tiến hành cơ cấu, tập trung phát triển nhóm ngành nguyên phụ liệu dệt may. Bản thân doanh nghiệp, ngoài giữ vững lợi thế vốn có là chi phí giá vốn sản xuất sợi thấp hơn các công ty cùng ngành của Trung Quốc để bảo đảm tính cạnh tranh ở thị trường xuất khẩu sợi, cũng đang có chiến lược phát triển hoạt động nhuộm sợi để phục vụ cung ứng sợi cho thị trường nội địa. Do đó, khả năng giá trị gia tăng của Công ty tăng lên trong chuỗi giá trị dệt là rất lớn.

Hình 6: Chu trình sản xuất kinh doanh của Công ty



(Nguồn: Damsan)

d. Bắt đầu sản

Trong giai đoạn 2016 - nay, Ban lãnh đạo Công ty thực hiện chính sách đầu tư vào các Dự án phát triển Khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại Thái Bình dựa trên chính sách Xây dựng khu nhà ở xã hội tạo quỹ nhà của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình (UBND) để đáp ứng nhu cầu cần thiết về nhà ở của các hộ dân có thu nhập thấp tại địa bàn tỉnh: Xây dựng dự án nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại Tổ 39 - 40 Phường Quang Trung thành phố Thái Bình theo hình thức (BT). Dự án này đã hoàn thành và bàn giao cho UBND thành phố Thái Bình.

Đồng thời từ năm 2017 đến nay, UBND tỉnh Thái Bình đã thực hiện thanh toán cho Công ty tiền đất tại các dự án nhà ở thương mại để Công ty triển khai thu hồi vốn, cụ thể:

- Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại Xã Phú xuân, thành phố Thái bình quy mô 246 căn hộ liền kề và 74 căn biệt thự, tổng mức đầu tư 800 tỷ đồng, đã ký hợp đồng bán 90% căn hộ và đang được Công ty triển khai thực hiện xây dựng và bàn giao cho khách hàng;
- Dự án nhà ở thương mại tại Tổ 39 - 40 Phường Quang Trung quy mô 39 căn hộ liền kề

Tổng mức đầu tư 132 tỷ đồng đồng đã ký hợp đồng bán 60% căn hộ và đang được Công ty triển khai thực hiện xây dựng và bán giao cho khách hàng trong năm 2021 và 2022;

- Dự án nhà ở thương mại tại Hợp tác xã Hữu nghị Phường Bồ xuyên - TP Thái Bình quy mô 48 căn hộ liền kề Tổng mức đầu tư 152 tỷ đồng đồng và đang được Công ty triển khai thực hiện xây dựng hạ tầng và dự kiến bán hàng trong năm 2022.

Trong năm 2019, theo xu hướng chuyển dịch sản xuất từ các doanh nghiệp nước ngoài về Việt nam Công ty đã nắm bắt cơ hội và thực hiện triển khai dự án “ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp tại Xã An Ninh Huyện Tiền Hải”. Cụm công nghiệp An Ninh (Do Công ty cổ phần Sợi Eiffel quản lý) có tổng mức đầu tư là 319 tỷ đồng; Diện tích đất Công nghiệp 50ha đất thương phẩm công nghiệp cho thuê là 37ha; Dự kiến đi vào hoạt động và cho thuê trong Quý IV/2021.

10.1.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Trong giai đoạn 2019 – 2021, sản xuất sợi và khăn thành phẩm là hoạt động chính, chiếm hơn 60% doanh thu của Công ty. Bên cạnh việc sản xuất sợi thành phẩm, Công ty còn kinh doanh thương mại nguyên liệu đầu vào gồm bông cotton với các doanh nghiệp trong nước như Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân, Công ty TNHH Dệt may Xuất khẩu Đăng Dương, Công ty TNHH Dệt Phú Thọ... Hoạt động này chiếm tỷ trọng khá lớn, khoảng 30% trong tổng doanh thu của Công ty. Ngoài ra phế phẩm đầu ra của quá trình sản xuất sợi bao gồm bông thu hồi từ hệ thống điều không của các nhà máy được quay lại sản xuất hoặc bán ra bên ngoài cho các nhà máy sản xuất khăn bông, bit tất, sản xuất vải địa kỹ thuật ...

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	2019		2020		6 tháng 2021	
	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh bông	431.315	22,17	361.288	23,25	174.038	21,33
Kinh doanh sợi	1.036.244	53,27	875.161	56,31	458.444	56,19
Kinh doanh khăn	276.054	14,19	200.816	12,92	98.417	12,06
Bất động sản	190.434	9,80	82.384	5,30	39.273	4,81
Hàng hóa, dịch vụ khác	11.066	0,57	34.472	2,22	45.682	5,61
Tổng	1.945.113	100,00	1.554.121	100,00	815.854	100,00

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	2019		2020		6 tháng 2021	
	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh bông	9.734	10,54	1.961	2,86	1.889	4,95
Kinh doanh sợi	25.774	27,91	15.991	23,35	16.989	44,48
Kinh doanh khăn	21.457	23,23	17.981	26,26	3.653	9,56
Bất động sản	30.860	33,42	22.022	32,16	10.590	27,73
Hàng hóa, dịch vụ khác	4.528	4,90	10.524	15,37	5.071	13,28
Tổng	92.353	100,00	68.479	100,00	38.191	100,00

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 7: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ theo báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	2019		2020		6 tháng 2021	
	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh bông	191.344	11,22	361.287	26,98	53.085	7,61
Kinh doanh sợi	1.036.244	60,77	660.051	49,29	461.301	66,11
Kinh doanh khăn	276.054	16,19	200.816	15,00	98.417	14,10
Bất động sản	190.434	11,17	82.384	6,15	39.273	5,63
Hàng hóa, dịch vụ khác	11.066	0,65	34.472	2,58	45.682	6,55
Tổng	1.705.142	100,00	1.339.010	100,00	697.759	100,00

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)



Bảng 8: Cơ cấu lợi nhuận gộp về bán hàng, cung cấp dịch vụ của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	2019		2020		6 tháng 2021	
	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Kinh doanh bông	9,947	12,93	1.961	2,94	1.889	2,27
Kinh doanh sợi	10.069	13,09	14.815	22,17	62.128	74,56
Kinh doanh khăn	21.457	27,88	17.981	26,90	3.653	4,38
Bất động sản	30.860	40,11	22.022	32,95	10.590	12,71
Hàng hóa, dịch vụ khác	4.608	5,99	10.054	15,04	5.071	6,09
Tổng	76.941	100,00	66.833	100,00	83.331	100,00

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 9: Sản lượng sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu

(Đơn vị: tấn)

Chỉ tiêu	2019			2020			6 tháng 2021		
	SL Sản xuất	SL Tiêu thụ	SL Xuất khẩu	SL Sản xuất	SL Tiêu thụ	SL Xuất khẩu	SL Sản xuất	SL Tiêu thụ	SL Xuất khẩu
Sản xuất sợi	17.892	16.881	14.349	16.069	15.069	12.809	2.656	2.122	1.957
Sản xuất khăn	2.752	2.652	2.652	1.760	1.725	1.725	334	334	304
Tổng	20.644	19.533	17.001	17.829	16.794	14.534	2.990	2.456	2.261

(Nguồn: Damsan)

Doanh thu của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất kinh doanh bông sợi. Năm 2019, doanh thu nội địa đạt 1.099 tỷ đồng, lớn gấp 1,3 lần so với doanh thu xuất khẩu đạt 845 tỷ đồng. Năm 2020, doanh thu theo thị trường nội địa đạt 910 tỷ đồng, lớn gấp 1,41 lần so với doanh thu từ hoạt động xuất khẩu (643 tỷ đồng). Công ty đang có các chính sách nhằm hỗ trợ và hướng tới thị trường ngoài Việt Nam như tìm kiếm các khách hàng mới tại thị trường Nhật Bản, Úc hay Hàn Quốc.

10.2. Tài sản

Bảng 10: Giá trị tài sản của Công ty tại ngày 30/06/2021

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG (%)
Công ty mẹ			
TSCĐ hữu hình	277.711	81.642	29,40
Nhà cửa vật kiến trúc	83.119	40.452	48,67
Máy móc thiết bị	182.431	35.593	19,51
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.645	5.597	48,06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	516	-	0,00
TSCĐ vô hình	2.285	962	43,15
Giá trị quyền sử dụng đất	1.925	962	49,97
Phần mềm máy tính	360	-	0,00
Tổng cộng	279.996	82.604	29,50
Hợp nhất			
TSCĐ hữu hình	566.017	247.968	43,81
Nhà cửa vật kiến trúc	127.852	72.549	56,74
Máy móc thiết bị	425.849	169.702	39,85
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	11.765	5.717	48,59
Thiết bị, dụng cụ quản lý	551	-	0,00
TSCĐ vô hình	2.285	986	43,15
Quyền sử dụng đất	1.925	962	49,97
Phần mềm máy tính	360	-	0,00
Tổng cộng	568.302	248.954	43,81

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 11: Danh sách đất đai, nhà xưởng tại ngày 30/06/2021

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
1	Nhà máy Damsan I - KCN Nguyễn Đức Cảnh	22.253 m ²	Đất công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đơn vị cho thuê: UBND Tỉnh Thái Bình ▪ Thời gian thuê: 34 năm ▪ Tiền thuê: 0,11USD/m²/năm, đóng tiền 	Đất thuê sản xuất kinh doanh

STT	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Loại hình	Thời hạn sử dụng còn lại	Mục đích
				hàng năm. ▪ Hợp đồng thuê đất số 68HD/TĐ ngày 01/09/2006 ▪ Giấy chứng nhận QSD đất số AE850900 cấp ngày 24/08/2006	
2	Nhà máy Damsan II - Khu công nghiệp Gia Lễ, Huyện Đông Hưng, Thái Bình	36.000 m ²	Đất công nghiệp	▪ Đơn vị cho thuê: UBND Tỉnh Thái Bình ▪ Thời gian thuê: 33 năm ▪ Tiền thuê: 3.500VND/m ² /năm, đóng tiền hàng năm. ▪ Hợp đồng thuê đất số 78HD/TĐ ngày 25/07/2007 ▪ Giấy chứng nhận QSD T0080 cấp ngày 26/07/2007	Đất thuê sản xuất kinh doanh
3	Cụm Công nghiệp An Ninh	500.000 m ²	Đất công nghiệp	▪ Đơn vị cho thuê: UBND Tỉnh Thái Bình ▪ Thời gian thuê: 49 năm	Đất thuê kinh doanh hạ tầng KCN

(Nguồn: Damsan)

Bảng 12: Một số tài sản máy móc, thiết bị Công ty đang sở hữu tại ngày 30/06/2021

(Đơn vị: đồng)

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG (%)
Hạng mục Nhà Điều không	1.815.541.048	537.097.622	29,58
Công trình điện	808.754.673	0	0,00
Hệ thống thùng cùi	845.448.320	0	0,00
Thiết bị giàn cung bóng	12.894.420.887	0	0,00
Hệ thống máy điều không	2.186.338.820	0	0,00
Hạng mục nhà Xương	3.296.000.000	1.030.000.053	31,25
Máy chài + Máy ghép	4.910.780.731	0	0,00
Nhà Điều hành Công ty - Sân Bê Tông - Đường Nội Bộ	2.499.120.000	963.032.864	38,53
Hệ thống điều không - Dây chuyền	1.340.417.580	0	0,00

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG (%)
sợi cọc			
Nhà Xưởng AC2	5.591.690.287	1.957.091.527	35,00
Dây cung bông + máy chải	12.108.067.101	0	0,00
Máy ghép Trung Quốc	568.263.678	0	0,00
Máy đánh ống Murata	7.900.698.617	0	0,00
Máy sợi con - sợi thô	13.989.274.370	0	0,00
Máy sợi con Best (06 máy)	3.075.202.158	0	0,00
Máy thí nghiệm USTER	1.604.135.482	0	0,00
Máy ghép Rieter Drawframes	620.376.000	0	0,00
Máy mài suốt, kim chải	1.469.752.082	0	0,00
Nhà kho thành phẩm	3.580.689.824	1.365.137.984	38,12
Kho thành phẩm tẩy	691.618.984	0	0,00
Nhà xưởng tẩy	794.017.865	0	0,00
Hệ thống thùng cúi	758.291.006	0	0,00
Hệ thống điều không	2.734.285.021	0	0,00
Máy kéo sợi OE	34.810.944.153	0	0,00
Máy biến áp 2500KVA 35-22/0,4kv	647.619.048	0	0,00
Máy dệt Dohy	14.100.399.014	0	0,00
Nhà xưởng sản xuất	5.643.860.871	2.500.643.046	44,31
Nhà điều không, mương gió hồi	4.462.839.668	2.038.327.110	45,67
Hạng mục mái Zamil	5.217.038.613	2.478.093.327	47,50
Hạng mục điều không nhà máy sợi	2.126.366.915	1.010.024.303	47,50
Hạng mục trạm biến áp	1.095.924.519	520.564.167	47,50
Hạng mục điện công nghiệp nhà máy	1.779.374.543	852.616.918	47,92
Chi phí san lấp mặt bằng	1.925.306.375	986.452.101	51,24
Hệ thống máy tẩy nhuộm	550.000.000	0	0,00
Máy đánh ống Murata 2	3.714.038.892	61.900.660	1,67
Máy hồ sợi	3.591.239.478	0	0,00

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG (%)
Ô tô BKS số 17C000476	664.734.900	0	0,00
Máy sợi thô	1.451.552.105	0	0,00
Máy mắc sợi	679.059.000	0	0,00
Hệ thống máy kéo sợi con (04 máy)	2.450.151.960	0	0,00
Hệ thống thùng cúi DSII giai đoạn 2	1.871.615.824	74.344.686	3,97
Máy giặt tẩy trắng	657.108.567	32.855.397	5,00
Các hạng mục phụ trợ	1.708.623.636	897.027.426	52,50
Hạng mục mái xưởng hồ	1.153.021.818	610.140.664	52,92
Tầng 2 Xưởng khăn DSI	544.908.949	230.815.879	42,36
Nhà xưởng khăn + Hồ mắc	2.351.251.871	953.563.301	40,56
Nhà văn phòng	1.317.322.048	730.015.954	55,42
Phân xưởng may - NM Damsan II	7.875.112.727	4.594.909.493	58,35
Hệ thống xử lý nước thải	6.117.520.000	2.854.842.688	46,67
Hạng mục phụ trợ - Tường- Sân Bê tông - Đường Thoát nước	3.001.178.906	600.235.802	20,00
Máy đo độ dài xơ bông KCF-V/LS	676.107.544	146.489.924	21,67
Máy ghép cúi sợi Rieter Drawframes	1.249.091.550	270.636.526	21,67
Máy ghép cúi sợi thô	1.222.875.852	417.815.924	34,17
Máy tách lọc xơ ngoại lai	1.906.161.400	651.271.838	34,17
Máy sợi thô KGFA41	2.918.985.000	997.319.875	34,17
Máy đánh ống Murata	7.850.701.210	2.682.322.920	34,17
Máy đánh ống SAVIO	3.484.800.000	1.190.640.000	34,17
Bộ điều không hoàn chỉnh dùng cho máy đánh ống	819.362.940	279.948.965	34,17
Nhà điều không dây chuyên sợi máy đánh ống	1.053.559.091	604.820.964	57,41
Nhà ăn Damsan II	1.976.818.959	1.128.736.384	57,10
Hạng mục cấp điện nhà máy	2.101.125.771	1.225.656.696	58,33
Xe nâng Mitsubishi FD25T-F18C-	472.727.273	56.839.800	12,02

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/NG (%)
74842			
Xe oto 17C 05814	571.176.391	117.408.476	20,56
Xe oto tải ISUZU màu trắng 17C05192	737.056.364	134.834.485	18,29
Máy mài suốt BMI-À đặt cố định dùng cho máy kéo sợi	532.712.500	132.966.698	24,96
Xe ôtô BKS 17A 05878	5.131.000.000	2.756.487.241	53,72
Máy nối sợi	664.316.250	359.837.955	54,17
Tầng 01+18 + Hạ tầng khu nhà ở	13.451.175.711	11.508.228.107	85,56
Máy cuốn viên khăn	720.372.354	390.201.689	54,17
Xe Hyundai H10 BKS 17A 06494	438.954.545	58.527.277	13,33
Máy dệt biên khăn	1.230.980.000	677.038.982	55,00
05 Máy xe sợi + 01 máy dệt sợi	6.139.642.580	3.528.589.036	57,47
Hệ thống 8 máy dệt Jaka	19.751.441.081	12.756.139.046	64,58
Ô tô 16 chỗ Ford Transit	791.585.455	514.530.565	65,00
Máy xử lý bông phế	8.024.175.859	5.148.846.183	64,17
Nhà khách	1.605.219.325	1.257.421.810	78,33
10 Máy kéo sợi con Toyota	35.588.526.438	6.185.573.659	17,38
Xe nâng điện Toyota 8FBE15	472.727.273	204.848.481	43,33
Ô tô tải BKS 17C 14485	757.209.091	574.216.887	75,83
Máy chải LAKSHMI 363	950.000.000	682.812.509	71,88
Máy xúc đảo bánh lốp Doosan Model DX140W Hàn quốc 2019	2.209.090.909	1.994.516.134	90,29
Ô Tô vios 1.5 E màu đen	494.181.818	420.851.609	85,16
Xe oto Kia Sedona màu vàng BKS 17A-12508	1.000.000.000	937.499.998	93,75
Tổng	324.585.159.468	87.873.609.615	27,07

(Nguồn: Damsan)

10.3. Thị trường hoạt động

Sản phẩm sợi của Công ty được tiêu thụ tại thị trường nội địa và xuất khẩu sang Trung Quốc. Trong khi đó, mặt hàng khăn bông được sản xuất phục vụ mục đích xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc là chính.

Bảng 13: Cơ cấu doanh thu theo thị trường hoạt động

Chi tiêu	2019		2020		6 tháng 2021	
	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Trong nước	863.014	50,61	705.375	52,68	331.912	47,57
Nước ngoài	842.128	49,39	633.635	47,32	365.847	52,43
Tổng	1.705.142	100,00	1.339.010	100,00	697.759	100,00

(Nguồn: Damsan)

Bảng 14: Cơ cấu lợi nhuận theo thị trường hoạt động

Chi tiêu	2019		2020		6 tháng 2021	
	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Lợi nhuận (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Trong nước	6.279	67,04	13.506	48,16	72.194	86,64
Nước ngoài	3.088	32,96	14.540	51,84	11.137	13,36
Tổng	9.367	100	28.046	100	83.331	100,00

(Nguồn: Damsan)

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Dịch bệnh Covid - 19 kéo dài cả năm 2020 làm tê liệt nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam. Ngành dệt may giảm 50% sản lượng xuất khẩu, Ngành sợi khó khăn nối tiếp khó khăn khi xuất khẩu chính vào thị trường Trung Quốc - trung tâm của dịch bệnh Covid - 19. Toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của Công ty là sợi bị ảnh hưởng lớn. Xuất khẩu khăn bông của Công ty sang thị trường Nhật Bản giảm do tác động xấu vì dịch bệnh Covid - 19. Đối với các ngành hàng khác ít ảnh hưởng hơn Công ty đã tập trung chỉ đạo điều hành một cách linh hoạt, tối đa hóa lợi nhuận: mặt hàng kinh doanh bất động sản, bán nhà xây thô cho các hộ dân.

10.4.1. Sản xuất kinh doanh sợi, khăn

Năm 2020, Nhà máy sợi EIFFEL chủ trương sẽ sản xuất ổn định trừ trường hợp bất khả kháng sẽ có kế hoạch thay thế.

Nhà máy sợi Damsan I: Chạy hết đơn hàng và tạm thời đóng cửa sản xuất từ ngày 30/04/2020, cho nghỉ giãn cách vì dịch bệnh đợt 1 từ 01/04/2020 đến ngày 14/04/2020; đợt 2 từ ngày 01/06/2020 đến ngày 14/06/2020; hoạt động đều trở lại từ giữa tháng 6/2020.

Nhà máy sợi OE: Do hoạt động không có hiệu quả: từ năm 2019 dây chuyền chạy 70% công suất, năm 2020 ngừng sản xuất từ tháng 03/2020. Đến tháng 12/2020, Ban điều hành Công

ty xin ý kiến HĐQT dừng sản xuất sợi OE tiến hành thanh lý tài sản và thực hiện cho thuê nhà xưởng. Để đảm bảo lợi nhuận đối với nhà xưởng của Nhà máy sợi OE, Công ty đã tiến hành cho thuê toàn bộ nhà xưởng OE với giá cho thuê 2,2 USD/m²/tháng và đã thực hiện ký hợp đồng cho thuê 05 năm.

Nhà máy dệt, may khăn: Hiện nhà máy đang hoạt động sản xuất hết công suất, tiếp tục tìm kiếm đơn hàng để đảm bảo sản xuất kinh doanh và lợi nhuận tối đa trong cả năm 2020 với khối lượng 1.300 tấn.

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn do những tác động trực tiếp từ Dịch bệnh Covid 19, nguyên liệu, thị trường tiêu thụ, nội tại sản xuất của Công ty...vv, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2020. Kết quả Công ty đạt được trong năm 2020 như sau:

- Sản xuất sợi và xuất khẩu sợi: Sản lượng sợi CD: 8.950 tấn; Sản lượng sợi xe: 1.104 tấn
- Sản xuất kinh doanh khăn đạt 1.299 tấn
- Kinh doanh bông đạt 11.900 tấn
- Tổng doanh số : 1.339 tỷ

10.4.2. Bất động sản

- Dự án Bồ Xuyên: Đã hoàn thành việc triển khai xây dựng nghiệm thu cơ sở hạ tầng. Dự kiến tháng 9 năm 2021 sẽ tiến hành xây dựng nhà xây thô.
- Dự án Quang Trung: Đang tiến hành xây dựng nhà ở các lô đã được bàn giao mặt bằng.
- Dự án Phú Xuân: Đã hoàn thành Hạ tầng kỹ thuật, đang tiến hành nghiệm thu và bàn giao; tập trung công tác xây thô nhà ở hoàn thiện dự án.



- Dự án Cụm công nghiệp An Ninh:



- + Cụm công nghiệp An Ninh đã tiến hành và làm san lấp hạ tầng giai đoạn 1,
- + Công ty đã hoàn thành việc xây dựng Trạm xử lý nước thải vào tháng 7/2021.
- + Công ty dự kiến hoàn thành hạ tầng kỹ thuật vào tháng 15/08/2021.
- + Hiện tại Công ty đang thực hiện các công việc liên quan đến thuê đất cho các nhà đầu tư.

10.5. Các hợp đồng lớn

Với đặc thù của doanh nghiệp dịch vụ, các hợp đồng cung ứng dịch vụ thường được ký dưới dạng hợp đồng khung trong đó thỏa thuận mức phí cũng như điều khoản và điều kiện giao hàng.

Hiện nay Công ty đang có giao dịch với một số đối tác như sau (theo Bảng 15 trang kế tiếp):

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



Bảng 15: Các hợp đồng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay

Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TCPH (nếu có)
04S/EI-DS/2021	41.398.500.000 vnd	15/03/2021	03/2021- 05/2021	Sợi CD 32/1		Công ty Cổ Phần Sợi Eiffel	Công ty con
05S/EI-DS/2021	41.398.500.000 vnd	07/05/2021	05/2021- 06/2021	Sợi CD 32/1		Công ty Cổ Phần Sợi Eiffel	Công ty con
BS052021/ACC-DS	6.687.656.458 vnd	02/05/2021	05/2021	Sợi CD các loại		Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
05/2021/DP-DS	5.832.147.750 vnd	12/03/2021	04/2021- 05/2021	Sợi OE 21/1		Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người nội bộ: Vũ Huy Đức
10/2021/HT-DAMSAN	4.899.112.821 vnd	03/05/2021	05/2021- 06/2021	Sợi CD 32/2		Công ty TNHH Sợi dệt Hợp Thành	Không có
02/2021/MH-DS	8.400.000.000 vnd	22/02/2021	02/2021	Bông nguyên liệu		Công ty Cổ Phần Thương mại Mai Hương	Không có
11/2021/LH-DS	12.984.000.000 vnd	09/05/2021	05/2021- 06/2021	Bông nguyên liệu		Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp



BÁN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TẬP THỂ (nếu có)
08/2021/LH-DS	14.370.000.000 vnd	30/03/2021	03/2021-06/2021	Bông nguyên liệu		Công ty TNHH Golf Long Hung	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
KT/GD2020-21	498.000,00 usd	22/12/2020	01/2021	Bông nguyên liệu		Krishna Traders	Không có
09/2021/DAMSA-NHT	4.564.356.038 vnd	02/05/2021	05/2021		Sợi CD 32/1	Công ty TNHH Sợi dệt Hợp Thành	Không có
19DS-WZ/2021	336.843,36 usd	01/04/2021	05/2021		Sợi CD 32/1	Xiamen Haixia investment co.,ltd	Không có
29DS-WZ/2021	343.329,12 usd	25/04/2021	04/2021-05/2021		Sợi CD 32/1	Wuhu Fuchun Dye and Wear Co.,ltd	Không có
18DS-WZ/2021	660.895,20 usd	29/03/2021	04/2021-05/2021		Sợi CD 32/1	zong he im&ex Trading Co.ltd	Không có
23DS-WZ/2021	632.318,40 usd	02/04/2021	04/2021-05/2021		Sợi CD 32/2	XIAMEN ITG GROUP CORP.,LTD	Không có
10DS-RZ/2021	240.000,00 usd	08/03/2021	04/2021-05/2021		Sợi OE 21/1	Shandong Binzhou Printing and dyeing group imp and exp co.,ltd	Không có



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TCPH (nếu có)
02/DS-HK/21	139.158,08 usd	03/03/2021	03/2021-05/2021		Khăn tay bông	Totsu Koeki Co.,Ltd	Không có
03/DS-TOT/21	96.107,10 usd	05/05/2021	05/2021-06/2021		Khăn tay bông	Totsu Koeki Co.,Ltd	Không có
02/DS-KAMTEX/21	70.222,00 usd	30/01/2021	01/2021-05/2021		Khăn tay bông	KAMTEX-ISOMURA CO., LTD	Không có
01/DS-SW/21	186.094,00 usd	11/12/2020	12/2020-05/2021		Khăn tay bông	Sawashou Co.,Ltd	Không có
05/DS-NO/21	57.149,12 usd	29/04/2021	05/2021		Khăn tay bông	Nojima Interprising INC Japan	Không có
06/DS-KAMTEX/21	58.275,75 usd	10/05/2021	05/2021		Khăn tay bông	KAMTEX-ISOMURA CO., LTD	Không có
02/HDDMBB/ĐP-DS	8.228.800.000	04/01/2020	1/4/2020	Bông nguyên liệu		Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người nội bộ: Vũ Huy Đức
15-10/2019/MH-DS	5.865.000.000	15/10/2019	1/10/2019	Bông nguyên liệu		Công ty Cổ phần Thương mại Mai Hương	Không có



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cố đồng lớn của TCPH (nếu có)
16-10/2020/MH-DS	7.912.200.000	16/10/2020	1/10/2020	Bóng nguyên liệu		Công ty Cổ phần Thương mại Mai Hưng	Không có
24/ACCDAMSAN/2019	10.659.000.000	22/09/2019	1/9/2019	Bóng nguyên liệu		Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
03/HTDamsan/2020	15.686.000.000	27/10/2020	1/2/2020	Bóng nguyên liệu		Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
28112020/GL-DS	7.920.000.000	28/11/2020	1/12/2020	Bóng nguyên liệu		Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
HD/BPL/20190412	6.275.800.000	04/12/2019	1/4/2019	bóng phế liệu		Công ty CP thương mại đầu tư TB	Không có
BS062020/ACC-DS	6.351.405.183	06/01/2021	1/6/2021	CD 32/1		Công ty Cổ phần Thương mại Mai Hưng	Không có
15092020-1/TMDTDS/2020	35.040.000.000	15/09/2020	1/12/2020	CD 32/1		Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TCPH (nếu có)
09S/EI-DS/2020	33.495.000.000	15/10/2020	1/11/2020	CD 32/1		Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Công ty con
01/2020/HĐ-ĐS	4.313.400.000	16/11/2020	11/2020-12/2020	CD 32/2		Công ty TNHH SX TM và dịch vụ tổng hợp Hải Đăng	Không có
BS052019/ACC	9.396.887.184	05/01/2019	1/5/2019	CD32/1		Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
01TM/EI-DS/2019	53.550.000.000	24/10/2019	1/10/2019	CD32/1		Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Công ty con
BS082019/DS-ACC	7.301.287.280	08/01/2019	1/8/2019		CD 32/1	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
08/DS-EF/2019	23.870.000.000	08/03/2019	1/8/2019		Bông nguyên liệu	Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Công ty Con
58/2019/DS-DP	5.157.948.000	09/10/2019	1/9/2019		CD30/2	Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người nội bộ: Vũ Huy Đức
0619TL/DS-ACC	21.322.000.000	06/11/2019	1/6/2019		Bông nguyên liệu	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cố đồng lớn của TCPH (nếu có)
11/2020/DAMSAN-HT	5.594.411.481	12/01/2020	1/12/2020		CD 32/1	Công ty TNHH Sợi dệt Hợp Thành	Diệp Không có
02/DS-HT/2020	2.792.400.000	09/05/2020	1/9/2020		Bông nguyên liệu	Công ty TNHH Sợi dệt Hợp Thành	Không có
07/BT/TMDT-EI/2020	2.333.400.000	05/06/2020	1/4/2020		Bông nguyên liệu	Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người nội bộ: Vũ Huy Đức
19/2020/DS-Đp	3.129.000.000	06/08/2020	1/7/2020		CD30/2	Công ty TNHH Đông Phong	Cùng chung người nội bộ: Vũ Huy Đức
15092020-1/DS-ACC/2020	34.980.000.000	09/11/2020	1/11/2020		CD 32/1	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
0519/DS-TMDT	12.330.000.000	23/05/2019	1/5/2019		Bông nguyên liệu	Công ty CP thương mại đầu tư TB	Không có
01/DS-ACC/2019	31.130.000.000	25/12/2019	1/12/2019		CD32/1	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp



Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/Dịch vụ đầu vào	Sản phẩm/Dịch vụ đầu ra	Đối tác	Mối quan hệ với Người nội bộ/Cổ đông lớn của TCPH (nếu có)
10/DS-EF/2020	18.547.200.000	30/09/2020	1/10/2020		Bông nguyên liệu	Công ty Cổ phần Sợi Eiffel	Công ty Con

(Nguồn: Damsan)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn từ năm 2019 đến nay

Bảng 16: Danh sách khách hàng lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay

STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH (nếu có)
1	Ngô Thị Đông	17.382.926.376	2019 đến nay	Bất động sản	Không
2	Công ty TNHH Golf Long Hưng	1.684.723.322.955	2019 đến nay	Bông sợi	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
3	ACT Trading Co., Ltd	40.225.361.142	2019 đến nay	Khăn	Không có
4	Anhui Huamao Im&Ex Co.ltd	243.113.580.419	2019 đến nay	Sợi	Không có
5	China Ctexic Corporation	125.687.875.613	2019 đến nay	Sợi	Không có
6	CTMTC Technical Service Im & Ex Coporation	17.078.607.003	2019 đến nay	Sợi	Không có
7	DAI - ICHI TRADING CO.,LTD	25.374.840.950	2019 đến nay	Khăn	Không có
8	Công ty TNHH Đồng Phong	44.601.836.766	2019 đến nay	Bông sợi khăn	Cùng chung người nội bộ: Vũ Huy Đức
9	Công ty CP thương mại đầu tư TB	176.593.735.103	2019 đến nay	Bông sợi khăn	Không có
10	Công ty TNHH Xây dựng Đức Dũng Thái Bình	127.358.207.647	2019 đến nay	Bất động sản	Không có

**BẢN CÁO BẠCH**

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TPCP (nếu có)
11	Công ty CP sợi Eiffel	678.563.477.638	2019 đến nay	Bóng sợi	Công ty con
12	Forever Winner International Development Limited	71.361.296.706	2019 đến nay	Khăn	Không có
13	Hengfeng (Hongkong) Co.ltd	27.082.090.751	2019 đến nay	Sợi	Không có
14	ITOCHU CORPORATION OSARM	51.902.614.789	2019 đến nay	Khăn	Không có
15	Jiangsu Lianfa Textile Material Co., LTD	100.612.377.079	2019 đến nay	Sợi	Không có
16	Kajun Co.,Ltd	22.506.038.666	2019 đến nay	Khăn	Không có
17	KAMTEX- ISOMURA CO., LTD	59.162.831.063	2019 đến nay	Khăn	Không có
18	Công ty TNHH dệt may Linh Hạnh	17.143.475.773	2019 đến nay	Khăn	Không có
19	Công ty Cổ phần Thương mại Mai Hương	39.124.370.018	2019 đến nay	Bóng sợi	Không có
20	Công ty TNHH dệt may Minh Thành Hà Nội	44.347.795.671	2019 đến nay	Khăn	Không có
21	Ning Bo Cimei Im&Ex Co.,Ltd	214.671.235.491	2019 đến nay	Sợi	Không có
22	Nojima Interprising INC Japan	15.999.226.901	2019 đến nay	Khăn	Không có
23	Shige Mitsu Shoji Co.,Ltd	43.127.800.969	2019 đến nay	Khăn	Không có
24	Smart Shirts Ltd	22.731.582.212	2019 đến nay	Khăn	Không có
25	Công ty TNHH sợi dệt Hợp Thành	49.762.997.112	2019 đến nay	Sợi	Không có
26	Công ty TNHH Tân Trọng Bằng	26.978.395.906	2019 đến nay	Khăn	Không có
27	Tianjin Textile Group Im&Ex INC	75.912.637.880	2019 đến nay	Sợi	Không có
28	XIAMEN ITG GROUP CORP.,LTD	155.445.719.875	2019 đến nay	Sợi	Không có
29	Ya Mai Chi Co.,Ltd	85.456.956.328	2019 đến nay	Khăn	Không có

(Nguồn: Damsan)



Bảng 17: Danh sách nhà cung cấp lớn của Công ty từ năm 2019 đến nay

STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TPCP (nếu có)
1	Công ty TNHH Golf Long Hưng	916.133.749.929	2019 đến nay	Bông sợi	Cùng chung người nội bộ: Vũ Phương Diệp
2	Công ty TNHH dệt may xuất nhập khẩu Đạt Phúc	18.115.324.599	2019 đến nay	Khăn	Không có
3	Tổng công ty điện lực miền Bắc - Công ty Điện lực Thái Bình	18.077.645.833	2019 đến nay	Điện	Không có
4	Tổng công ty điện lực Miền Bắc - Công ty Điện lực Thái Bình	23.936.096.396	2019 đến nay	Điện	Không có
5	Công ty TNHH Đông Phong	65.441.227.944	2019 đến nay	Bông sợi	Cùng chung người nội bộ: Vũ Huy Đức
6	Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	61.018.722.161	2019 đến nay	Bông sợi	Không có
7	Công ty CP Sợi Eiffel	622.483.132.901	2019 đến nay	Bông sợi	Công ty con
8	Công ty Cổ phần Xây dựng GM	40.220.554.150	2019 đến nay	Xây dựng	Không có
9	Công ty TNHH dệt may Linh Hạnh	12.303.325.743	2019 đến nay	Khăn	Không có
10	Công ty Cổ phần Thương mại Mai Hương	14.219.259.000	2019 đến nay	Bông sợi	Không có
11	Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Quốc Tế Minh Long	11.719.357.420	2019 đến nay	Bông sợi	Không có
12	Công ty TNHH dệt may Minh Thành Hà Nội	31.053.839.752	2019 đến nay	Khăn	Không có

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN



STT	Tên đối tác	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng (đồng)	Thời gian giao dịch	Sản phẩm, dịch vụ giao dịch	Mối quan hệ với Người nội bộ/ Cổ đông lớn của TCPH (nếu có)
13	Công ty CP Đầu tư XNK Artex	18.847.620.083	2019 đến nay	Bông sợi	Không có
14	Công ty TNHH Tân Trọng Bằng	15.760.523.402	2019 đến nay	Khăn	Không có
15	Công ty TNHH Một thành viên Táo Xanh quốc tế	12.842.544.697	2019 đến nay	Bông sợi	Không có
16	Công ty TNHH Thiết Bị Tự Động Hoà Thái Bình	11.269.955.400	2019 đến nay	Xây dựng	Không có
17	Textile enterprises limited	4.713.533.622	2019 đến nay	Bông sợi	Không có
18	Công ty TNHH Thi Thanh Danh	16.578.838.415	2019 đến nay	Xây dựng	Không có
19	Công ty CP Sợi Trà Lý	72.876.524.760	2019 đến nay	Bông sợi	Không có
20	UDAY COTTON INDUSTRIES	79.751.317.867	2019 đến nay	Bông sợi	Không có

(Nguồn: Damsan)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



10.7. Vị thế của Công ty trong ngành

10.7.1. Vị thế của Công ty trong ngành sợi

a. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Thị trường cung ứng xơ sợi của Việt Nam hiện nay có thể chia làm 3 nhóm chính bao gồm (i) các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Dệt may Việt Nam (ii) các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và (iii) các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Là doanh nghiệp tư nhân, Công ty Cổ phần Damsan đã không ngừng nỗ lực, vượt qua những khó khăn thử thách từ các yếu tố bên ngoài đến nội bộ Công ty để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, phát triển bền vững và nắm bắt cơ hội từ xu thế dệt may toàn cầu và của Việt Nam. Công ty hiện đang quản lý trực tiếp 02 nhà máy và quản lý gián tiếp 01 nhà máy thông qua công ty con - Công ty Cổ phần Sợi Eiffel với tổng công suất 16.560 tấn sợi/năm và 2.040 tấn khăn/năm.

Bảng 18: Bảng so sánh tài chính năm 2020 của một số công ty ngành sợi đã niêm yết/ đăng ký giao dịch

Chỉ tiêu	CTCP Damsan (ADS)	CTCP Sợi Thế Kỳ (STK)	CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công (TCM)	CTCP Đầu tư và Phát triển Đức Quân (FTM)	CTCP Sợi Phú Bài (SPB)	CTCP Sợi Vũ Đăng (SVD)	Bình quân ngành
Tổng tài sản	1.837.891	1.703.389	2.976.423	1.490.034	583.137	432.304	1.209.351
Vốn chủ sở hữu	422.144	1.082.792	1.638.735	312.672	156.717	144.515	423.768
Vốn điều lệ	280.695	707.269	620.683	500.000	95.000	129.000	285.431
Doanh thu thuần	1.339.291	1.765.666	3.469.717	81.303	718.019	330.366	846.929
Lợi nhuận sau thuế	24.442	144.361	276.228	-200.058	7.231	4.753	-3.166

(Nguồn: CTCP Damsan tổng hợp)

Như vậy, so sánh với một số doanh nghiệp cùng ngành khác đã niêm yết/ đăng ký giao dịch như Công ty Cổ phần Sợi Thế Kỳ (Mã chứng khoán STK), Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư Thương mại - Thành Công (Mã chứng khoán TCM), Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đức Quân (Mã chứng khoán FTM), Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài (Mã chứng khoán SPB),

Công ty Cổ phần Sợi Vũ Đãng (Mã chứng khoán SVD) thì quy mô tổng tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty cổ phần Damsan là cao hơn mức trung bình. Mặc dù vốn điều lệ thấp hơn bình quân nhưng doanh thu và lợi nhuận của Công ty cũng thuộc nhóm những doanh nghiệp dẫn đầu ngành. Hiện tại, Công ty chưa tổng hợp được thông tin về thị phần của mình trong ngành sợi.

Sau 15 năm thành lập, Công ty đã xây dựng được đội ngũ quản lý năng động và nhiều kinh nghiệm, lực lượng công nhân lành nghề, đội ngũ cán bộ kỹ thuật có năng lực và tạo ra uy tín thương hiệu trên thị trường, mạng lưới khách hàng rộng lớn. Với những lợi thế và vị thế sẵn có, tiềm năng phát triển của Công ty trong những năm tới được đánh giá là vững mạnh và ổn định.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Thời gian tới, trong bối cảnh nước ta đã ký kết hàng loạt FTAs, đặc biệt là các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giữa Việt Nam – EU và TPP sẽ có hiệu lực, ngành dệt may đứng trước nhiều cơ hội và thách thức lớn. Những cơ hội đó là:

- Thuế suất xuất khẩu hàng dệt may vào một số thị trường chính của Việt Nam (Mỹ, Nhật Bản, EU, Hàn Quốc,...) sẽ giảm dần về 0%.
- Xu hướng chuyển dịch sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam để tận dụng lợi thế từ các FTA, TPP khi đáp ứng yêu cầu xuất xứ từ sợi (IPP) và từ vải (VEFTA).
- Việt Nam lại đang ở thời kỳ “cơ cấu dân số vàng” rất phù hợp với mở rộng phát triển dệt may, một ngành thâm dụng lao động, đến nay đã tạo việc làm cho gần 3 triệu lao động.

Tuy nhiên, ngành dệt may Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức không nhỏ như:

- Sự cạnh tranh gay gắt từ các cường quốc xuất khẩu dệt may như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh, Thổ Nhĩ Kỳ...
 - Xuất phát điểm của dệt may Việt Nam thấp, công nghiệp phụ trợ chưa phát triển. Nguồn vải nhập khẩu (chiếm khoảng 80% tổng nhu cầu), tạo ra tình trạng “Nút thắt cổ chai” tại công đoạn dệt nhuộm, tỷ lệ nội địa hóa chỉ trên 50%. Tạo ra sự phát triển mất cân đối và dễ bị tổn thương.
 - Đối với công đoạn may phương thức gia công xuất khẩu là chủ yếu (CMT) (65%), phương thức FOB I và FOB II khoảng 25%, ODM 9% và OBM chỉ 1%.
 - Thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, khả năng thiết kế thời trang, phát triển sản phẩm và thương hiệu, kỹ năng giao dịch, tiếp thị, ngoại ngữ còn nhiều hạn chế.
 - Các thị trường lớn đưa ra nhiều rào cản về kỹ thuật, vệ sinh, môi trường, các biện pháp phòng vệ thương mại...
 - Chi phí vốn cao, chi phí nhân công tăng do Việt Nam thường xuyên tăng lương tối thiểu, bảo hiểm, chi phí logistic cao và nhiều loại phí bất hợp lý, dễ vi phạm quy định giờ làm thêm.
 - Cạnh tranh giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước ngày càng gay gắt hơn.
- c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

Ngày 11 tháng 4 năm 2014, Bộ Công thương đã ban hành Quyết định số 3218/QĐ-BCT phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp Dệt May Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quy hoạch). Với quan điểm phát triển ngành dệt may phải gắn với bảo vệ môi trường và xu thế dịch chuyển lao động nông nghiệp, nông thôn; chuyển mạnh sản xuất từ gia công sang mua nguyên liệu, bán thành phẩm, đảm bảo nâng cao chất lượng, đa dạng hóa các mặt hàng xuất khẩu và lấy xuất khẩu làm phương thức cơ sở cho sự phát triển của ngành..., quy hoạch định hướng phát triển các sản phẩm, lĩnh vực quan trọng như sau:

- Thứ nhất: tăng cường cho ngành may xuất khẩu để tận dụng cơ hội thị trường;
- Thứ hai: xây dựng Chương trình sản xuất vải phục vụ xuất khẩu phát triển các sản phẩm dệt kỹ thuật, sản phẩm dệt phục vụ y tế;
- Thứ ba: phát triển nguồn nguyên liệu xơ bông, các loại cây có xơ sợi, xơ sợi nhân tạo và phụ liệu.

Quy hoạch cũng đã xác định việc phát triển các nhà máy sợi, dệt, nhuộm tại các khu công nghiệp, khu chế xuất đã có cơ sở hạ tầng như Phố Nối - tỉnh Hưng Yên; Hòa Xá, Bảo Minh - tỉnh Nam Định; Phúc Khánh, Nguyễn Đức Cảnh - tỉnh Thái Bình; Tràng Duệ - thành phố Hải Phòng; Châu Sơn - tỉnh Hà Nam... Như vậy, hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành và chính sách của Nhà nước. Với xu thế dịch chuyển các công ty sợi từ Trung Quốc sang Việt Nam và việc Hiệp định Thương mại Tự do Thái Bình Dương đã được ký kết, kỳ vọng về việc phát triển của các doanh nghiệp sợi là rất lớn. Đây là những cơ hội lớn và rõ ràng cho sự phát triển của Công ty.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tập trung sản xuất và khai thác các nhà máy sợi cùng phân xưởng khăn để có hiệu quả sản xuất ổn định. Các sản phẩm chính của Công ty sẽ tập trung vào việc xuất khẩu sợi và khăn bông, đặc biệt là khăn bông cao cấp.

10.7.2. Vị thế của Công ty trong ngành bất động sản

a. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Hiện nay, Công ty đang chuyển hướng sang lĩnh vực bất động sản, cả bất động sản nhà ở lẫn bất động sản khu công nghiệp. Do bất động sản trước giờ không phải là mảng kinh doanh chính của Công ty nên Công ty đang từng ngày nỗ lực xây dựng phát triển, hoàn thiện mình với quyết tâm cao nhất thông qua việc đầu tư những dự án bất động sản có pháp lý hoàn chỉnh, vị trí đắc địa, đẩy nhanh quá trình thi công các dự án... Từ đó, từng bước xây dựng vị thế Công ty trong lĩnh vực bất động sản tỉnh Thái Bình và trên toàn quốc.

Hiện tại, Công ty chưa tổng hợp được thông tin về thị phần của mình trong ngành bất động sản.

b. Triển vọng phát triển của ngành

Thị trường bất động sản Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ vào nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, cơ cấu dân số vàng, quá trình đô thị hoá nhanh, chuyển đổi số trong cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và tác động của các chính sách mới liên quan đến Luật kinh doanh bất động sản và Luật nhà ở sửa đổi. Theo Cục phát triển đô thị (thuộc Bộ Xây dựng), tỷ lệ đô thị



hoá Việt Nam tuy thấp hơn so với các nước trong khu vực, nhưng tốc độ tăng trưởng đô thị hoá trong 5 năm qua đã tăng trưởng nhanh hơn với các nước láng giềng.

Việt Nam là một quốc gia có tốc độ tăng trưởng dân số khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Trong cơ cấu dân số Việt Nam, tỷ trọng dân số trẻ trong độ tuổi lao động luôn chiếm trên 50% và có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây. Tăng trưởng dân số, đặc biệt là dân số trẻ trong độ tuổi lao động là nhân tố làm tăng mọi nhu cầu của xã hội, trong đó có nhu cầu tiêu dùng và mua nhà ở.

“Làn sóng” dịch chuyển chuỗi cung ứng chính là cơ hội quan trọng trong sự phát triển kinh tế nói chung và ngành bất động sản công nghiệp nói riêng. Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội trở thành công xưởng sản xuất mới của thế giới, đón dòng vốn FDI dịch chuyển từ nhiều công ty, tập đoàn lớn khi họ không muốn phụ thuộc duy nhất vào Trung Quốc. Lợi thế về chính trị và kinh tế vĩ mô ổn định, chống dịch Covid-19 xuất sắc, dân số đông và trẻ... là những lợi thế đặc biệt của Việt Nam.

c. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới.

Trong dài hạn, Việt Nam sẽ tiếp tục là thị trường bất động sản hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nhờ tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng của các tập đoàn công nghiệp lớn trên thế giới sau cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung... Năm 2021, nhiều quy định pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung liên quan đến hoạt động kinh doanh Bất động sản bao gồm Luật Xây Dựng, Luật Đầu tư và các nghị định hướng dẫn có liên quan (có hiệu lực từ năm 2021), sẽ giải quyết nhiều vướng mắc của thủ tục đầu tư xây dựng trong thời gian tới. Chiến lược phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 đặt mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa toàn quốc đạt từ 50-52%, với ít nhất ba đô thị đạt chuẩn đô thị quốc tế (40% trong năm 2020).

Trong thời gian tới, Công ty định hướng tiếp tục tập trung chỉ đạo điều hành một cách linh hoạt, tối đa hóa lợi nhuận trong lĩnh vực bất động sản: mặt hàng kinh doanh bất động sản, bán nhà xây thô cho các hộ dân.... Như vậy, định hướng phát triển của Công ty trong lĩnh vực Bất động sản là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước.

10.8. Hoạt động Marketing

Bên cạnh thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, số lượng sản phẩm, Công ty cũng rất chú trọng công tác quảng bá, giới thiệu sản phẩm, phân phối sản phẩm và dịch vụ một cách tốt nhất tới khách hàng. Tuy nhiên các hoạt động marketing của Công ty hiện nay vẫn còn trong phạm vi nhỏ hẹp, chưa mang tính chiến lược và chủ yếu thông qua việc truyền bá giữa các đối tác và khách hàng của Công ty.

Hoạt động marketing của Công ty được xây dựng và thực hiện dựa trên những đặc thù riêng của một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt sợi. Mặc dù chi phí marketing không nhiều nhưng hoạt động marketing của Công ty vẫn đạt hiệu quả cao, đem lại các hợp đồng có

doanh thu lớn cho Công ty.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Công ty đã đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 208029 tại Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 33349/QĐ-SHTT ngày 24/06/2013 và có hiệu lực trong vòng 10 năm kể từ ngày cấp.

- Thương hiệu đăng ký : CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN
- Logo Công ty:



Logo của Công ty lấy ý tưởng từ thiên sử thi nổi tiếng về chàng tù trưởng Damsan trẻ tuổi tài năng lỗi lạc, với những chiến công hiển hách và tấm lòng đầy ấp khát vọng tự do. Chàng trai trong biểu tượng logo đang giương cung lên trời với ý nghĩa khát vọng chinh phục những thử thách để khẳng định tên tuổi và vị thế của mình.

- Danh mục sản phẩm/dịch vụ mang nhãn hiệu:

Nhóm 23: Sợi đã xe

Nhóm 35: Mua bán xuất nhập khẩu: bông sợi, vải, khăn, hàng dệt may, máy móc, thiết bị dệt may.

Nhóm 36: Mua bán bất động sản; cho thuê bất động sản; đại lý bất động sản; môi giới bất động sản; tư vấn bất động sản.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Chính sách nghiên cứu và phát triển bao gồm nguyên tắc chỉ đạo, quy tắc, phương pháp, thủ tục được thiết lập gắn với hoạt động nghiên cứu và phát triển nhằm hỗ trợ và thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu, đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Đầu tư cho nghiên cứu phát triển, tiên phong trong công nghệ và không ngừng cải tiến sản xuất được coi là yếu tố tạo lợi thế cạnh tranh bền vững của doanh nghiệp. Do vậy, Damsan luôn dành những nguồn lực tốt nhất, sẵn sàng cho công tác nghiên cứu phát triển, cải tiến sản xuất.

Từ năm 2019 đến nay, Công ty không ngừng ưu tiên đầu tư phát triển sản xuất. Ban lãnh đạo Công ty chủ trương tăng cường tự động hóa trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm tăng năng suất lao động, tối ưu hóa công thức nguyên vật liệu, giảm tỷ lệ tiêu hao trong sản xuất, tăng tái sử dụng nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng, đáp ứng nhu cầu hàng hóa ngày càng tăng và đẩy mạnh hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Để nâng cao chất lượng quản lý, Công ty tiếp tục áp dụng mô hình 5S vào quản lý sản xuất. 5 chữ S ở đây là “Sàng lọc”, “Sắp xếp”, “Sạch sẽ”, “Săn sóc” và “Sẵn sàng”. 5S là nền

tăng cơ bản để thực hiện các hệ thống đảm bảo chất lượng, là điều kiện căn bản để việc ứng dụng vận hành hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến và hiện đại. Việc áp dụng mô hình này tại tất cả các nhà máy của Công ty đã tạo được những kết quả khả quan nhất định, hiệu suất tăng, tỷ lệ lãng phí được cắt giảm, ý thức cán bộ công nhân viên được nâng cao... Phong trào thi đua đóng góp ý tưởng sáng kiến trong quản lý sản xuất, vận hành máy móc được phát huy tối đa, nhiều sáng kiến đã được kiểm nghiệm đưa vào sử dụng thực tế, tiết kiệm chi phí sản xuất tại đơn vị, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Tuy nhiên, năm 2020, dịch bệnh Covid - 19 làm tê liệt nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam, ngành dệt may giảm 50% sản lượng xuất khẩu, ngành sợi của Việt Nam khó khăn nối tiếp khó khăn khi xuất khẩu chính vào thị trường Trung Quốc - trung tâm của dịch bệnh Covid 19. Vì vậy, toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của Công ty là sợi bị ảnh hưởng lớn. Trước những khó khăn đó, Công ty tiếp tục tìm kiếm đơn hàng để đảm bảo sản xuất kinh doanh đồng thời nghiên cứu đẩy mạnh tìm kiếm thêm cơ hội mới trong lĩnh vực bất động sản để tạo cơ sở tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo.

Bước sang năm 2021, để thực hiện định hướng phát triển dài hạn, nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường kinh doanh, Công ty tiến hành triển khai nghiên cứu phát triển các hạng mục sau:

- Nghiên cứu bổ sung đa dạng hóa sản phẩm khăn 100% cotton vào thị trường Nhật Bản
- Nghiên cứu sản phẩm chăn ga gối 100% cotton, đã sản xuất sản phẩm mẫu đang chào bán vào thị trường nội địa và xuất khẩu dự kiến đầu tư nhà máy trong năm 2022.
- Nghiên cứu công nghệ kéo sợi nổi cọc mới và thực hiện triển khai đầu tư xây dựng nhà máy sợi nổi cọc theo công nghệ mới và đầu tư tại Cụm công nghiệp An Ninh – Tiên Hải trong năm 2021-2022.
- Nghiên cứu phát triển mở rộng cụm công nghiệp từ 50 ha lên 150 ha tại huyện Kiến Xương và mở rộng cụm công nghiệp Vũ Ninh 50ha tại huyện Kiến Xương.
- Triển khai lĩnh vực mới trong bất động sản là xây dựng hạ tầng, triển khai đầu tư Dự án đường BOT Thái Bình – Cầu Ngàn.

Có thể kỳ vọng đây sẽ là tiền đề cho sự phát triển bền vững theo đúng định hướng phát triển dài hạn của Công ty trong những năm tới.

10.11. Chiến lược kinh doanh

10.11.1. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh dài hạn

Công ty đã đề ra những mục tiêu phát triển trong 5 năm tới như sau:

- Trở thành doanh nghiệp đứng hàng đầu, tiên phong trong ngành sợi/dệt và phát triển đa ngành với cốt lõi là dệt may và bất động sản;

- Cung ứng sản phẩm chất lượng cao với mức giá cạnh tranh;
- Đạt tốc độ tăng trưởng cao và duy trì tình hình tài chính lành mạnh.

Công ty đã đề ra những mục tiêu phát triển trong 10 năm tới như sau:

- Với lĩnh vực sản xuất sợi: phấn đấu thành công ty sản xuất sợi cotton hàng đầu Việt



Nam;

- Với lĩnh vực sản xuất khăn: phấn đấu phát triển thành một thương hiệu uy tín với thị trường Nhật Bản và Châu Âu;
- Với lĩnh vực bất động sản:
 - + Bất động sản công nghiệp: định hướng phát triển Công ty thông qua các công ty con để trở thành Doanh nghiệp đầu tư bất động sản công nghiệp, cụm công nghiệp đứng đầu tỉnh Thái Bình.
 - + Bất động sản đô thị: triển khai các dự án để trở thành đơn vị kinh doanh bất động sản nổi bật tại tỉnh Thái Bình.
- Cung ứng sản phẩm chất lượng cao với mức giá cạnh tranh;
- Đạt tốc độ tăng trưởng cao và duy trì tình hình tài chính lành mạnh.

10.11.2. Định hướng thực hiện

HDQT đã đưa ra chủ trương chuyển mô hình quản trị Công ty, đưa mô hình Công ty từ trực tiếp sang văn phòng điều hành và định hướng sang nhận diện thương hiệu theo ngành: Dệt may; Bất động sản đô thị và công nghiệp; Bất động sản giao thông, nhằm phát huy mọi khả năng của đội ngũ quản lý và người lao động tại Công ty:

- Về nguồn vốn: đa dạng hóa nguồn vốn, đảm bảo chi phí vốn ở mức thấp, cân đối sử dụng an toàn, hiệu quả, bền vững.
- Về nguồn lực dự kiến: xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao các lớp đào tạo kỹ năng cho cán bộ quản lý; Xây dựng văn hóa doanh nghiệp rõ nét, nâng cao ý thức và kỷ luật người lao động, tăng năng suất lao động.
- Về kinh doanh: bám sát diễn biến thị trường, linh hoạt trong xử lý tình huống, đa dạng thị trường tiêu thụ và phát triển khách hàng.
- Về công nghệ: Đối với những dây chuyền cần thay thế hoặc các dự án đầu tư mới, thực hiện đầu tư công nghệ mới, hiệu suất cao, sử dụng năng lượng thấp, tính năng tự động hóa cao.
- Về quản trị điều hành: Nâng cao năng lực quản trị điều hành, tiếp cận các chuẩn mực quốc tế, ban hành các quy chế, quy trình rõ ràng, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả, bền vững.

10.12. Trường hợp Tổ chức phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nêu thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan

Không có.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Cơ cấu lao động

Bảng 19: Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Tiêu chí	DVT	Năm 2019	Năm 2020	Bình quân năm 2019 và 2020
I	Theo trình độ lao động				

STT	Tiêu chí	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	Bình quân năm 2019 và 2020
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	Người	69	72	71
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	Người	81	85	83
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	Người	0	0	0
4	Lao động phổ thông	Người	547	508	528
II	Theo đối tượng lao động				
1	Lao động trực tiếp	Người	487	427	457
2	Lao động gián tiếp	Người	210	238	224
III	Theo giới tính				
1	Nam	Người	371	356	364
2	Nữ	Người	326	309	318
	Tổng cộng	Người	697	665	681

(Nguồn: Damsan)

11.2. Chính sách với người lao động

11.2.1. Về tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút được lao động có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Cơ chế tuyển dụng của Công ty luôn đảm bảo cơ hội bình đẳng, khách quan, minh bạch cho tất cả các ứng viên.

11.2.2. Về đào tạo

Bên cạnh các quy định, quy trình tuyển dụng, Công ty luôn chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực thông qua chính sách đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng, kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo cho cán bộ công nhân viên thông qua các hình thức đào tạo nội bộ và sử dụng các chương trình đào tạo từ bên ngoài ở trong và ngoài nước.

11.2.3. Chế độ làm việc

Công ty thực hiện làm việc theo chính sách ca kíp. Công ty chia làm 03 ca/ngày. Công nhân làm việc theo ca với 8 giờ/ngày và 5,5 ngày/tuần. Ngoài ra, khi cần yêu cầu nhân viên làm thêm giờ, Công ty thực hiện các chế độ đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật. Nhân viên được nghỉ phép nghỉ lễ, Tết, ốm đau thai sản thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động.

11.2.4. Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Công ty xây dựng chính sách lương, thưởng phù hợp với từng vị trí công việc, kỹ năng,

trình độ chuyên môn của cán bộ công nhân viên nhằm đánh giá đúng năng lực và kết quả công việc của từng cá nhân trong Công ty, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng hiệu quả công việc. Ngoài các chính sách lương thưởng, phúc lợi theo quy định của pháp luật, cán bộ công nhân viên Công ty còn được hưởng một số quyền lợi ưu đãi khác như ưu tiên mua cổ phiếu, trái phiếu của Công ty. Mức độ ưu đãi tùy thuộc vào mức độ đóng góp của từng cá nhân cho Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quy định. Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp... theo quy định hiện hành của pháp luật lao động và mua Bảo hiểm sức khỏe, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.

12. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện việc chi trả cổ tức theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Theo đó, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu. Việc chi trả cổ tức sẽ được tiến hành khi Công ty kinh doanh có lãi và đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật.

Bảng 20: Tình hình chi trả cổ tức các năm gần đây của Công ty

Năm	2019	2020	Dự kiến 2021
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	10%	10%	15%
Hình thức	Bằng cổ phiếu	Bằng tiền mặt	Bằng tiền mặt

(Nguồn: Damsan)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Trong vòng 02 năm tính đến thời điểm đăng ký chào bán, Công ty Cổ phần Damsan không thực hiện chào bán cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có hai khoản phải trả với số tiền như sau:

- Phải trả tiền đất và chi phí hạ tầng dự án KĐT Phú Xuân: 255.375.496.620 đồng (theo Quyết định số 3202/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 08/11/2016 và theo hướng dẫn của Tờ trình số 708/TTr-STC do Sở Tài chính gửi UBND tỉnh Thái Bình ngày 16/12/2016).
- Phải trả tiền quyền sử dụng đất khu nhà ở Quang Trung đợt 1: 37.318.547.571 (theo Quyết định số 2966/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ngày 13/11/2017).

Hai khoản phải trả trên sẽ được thanh toán bù trừ khi Công ty thực hiện quyết toán các chi phí đầu tư của hợp đồng BT số 01/2015/HĐBT ngày 16/11/2015 giữa Công ty Cổ phần Damsan và UBND Thành phố Thái Bình.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ

chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

I. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh

Theo báo cáo tài chính của công ty mẹ, một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

Bảng 21: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính riêng

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng/Giảm (%)	6 tháng 2021
1	Tổng giá trị tài sản	1.568.313	1.642.612	4,74	1.568.181
2	Doanh thu thuần	1.945.113	1.554.120	-20,10	815.854
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	29.040	15.339	-47,18	32.506
4	Lợi nhuận khác	2.626	14.308	444,90	675
5	Lợi nhuận trước thuế	31.666	29.647	-6,38	33.182
6	Lợi nhuận sau thuế	30.605	27.641	-9,69	29.064
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,67	0,92	-44,64	-
8	Cổ tức (%/mệnh giá)	10%	10%	0	-

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 22: Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính hợp nhất

(Đơn vị: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/Giảm (%)	6 tháng 2021
1	Tổng giá trị tài sản	1.733.483	1.837.891	6,02	1.838.735



TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Tăng/Giảm (%)	6 tháng 2021
2	Doanh thu thuần	1.705.142	1.339.010	-21,47	697.759
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	7.019	13.737	95,71	56.970
4	Lợi nhuận khác	2.619	14.364	448,51	169
5	Lợi nhuận trước thuế	9.637	28.101	191,58	57.139
6	Lợi nhuận sau thuế	8.282	24.442	195,12	49.745
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	6,78	1,26	-81,43	-
8	Cổ tức (%/mệnh giá)	10%	10%	0	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 và 2020

1.2.1. Thuận lợi

Các dự án bất động sản của Công ty triển khai thuận lợi. Dự án Khu đô thị Phú Xuân DamSan tính đến đầu năm 2020 cơ bản hoàn thành. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đã bán 99% lô đất, tiền bán đất cơ bản đã thu theo đúng tiến độ. Tòa nhà xã hội cho người thu nhập thấp 16 tầng tại Phường Quang Trung – Thành phố Thái Bình đã đi vào khai thác, trong đó đã có 64 căn hộ tái định cư và 130 căn hộ bán cho người thu nhập thấp. Chất lượng công trình tốt, kiến trúc cảnh quan đẹp tạo điểm nhấn cho cửa ngõ Thành phố Thái Bình.

Công ty cũng được hưởng những thuận lợi từ cơ chế chính sách: Các cơ chế chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp kinh doanh XNK vẫn được nhà nước tiếp tục duy trì. Đồng thời, chính sách quản lý bông tồn kho tại Trung Quốc dẫn tới giá bông đầu vào tại Trung Quốc cao hơn giá bông thế giới, Trung quốc cần nhập số lượng sợi cotton lớn phục vụ cho nhu cầu sản xuất vải trong nước. Sợi cotton Việt Nam sang thị trường Trung Quốc được hưởng ưu đãi thuế quan 0% theo FTA Asean Trung Quốc. Năng lực cạnh tranh của sợi Việt Nam tại thị trường Trung Quốc được cải thiện và khai thác thêm thị trường khăn bông chất lượng cao tại Nhật Bản, Úc.

1.2.2. Khó khăn

Cuộc chiến thương mại Mỹ Trung nổ ra từ tháng 6/2018 đến cuối năm 2019 đã ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty. Sang đến năm 2020, Dịch bệnh Covid 19 kéo dài làm tê liệt nền kinh tế toàn cầu trong đó có Việt Nam. Ngành may giảm 50% sản lượng xuất khẩu, Ngành sợi khó khăn nối tiếp khó khăn khi xuất khẩu chính vào thị trường Trung Quốc - trung tâm của dịch bệnh Covid 19. Toàn bộ ngành sản xuất cốt lõi của Công ty là sợi bị ảnh hưởng lớn. Xuất khẩu khăn bông của Công ty sang thị trường Nhật Bản giảm do tác động xấu vì dịch bệnh covid 19.

Đối với các ngành hàng khác ít ảnh hưởng hơn Công ty đã tập trung chi đạo điều hành một cách linh hoạt, tối đa hóa lợi nhuận: mặt hàng kinh doanh bất động sản, bán nhà xây thô cho các hộ dân.

1.2.3. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Không có.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được ghi chép bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

- Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 280.694.500.000 đồng.
- Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính riêng bao gồm:

Bảng 23: Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính riêng

(Đơn vị: triệu đồng)

Vốn kinh doanh	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	1.211.400	1.258.214	1.154.720
Nợ dài hạn	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	356.914	384.397	413.461
Trong đó:			
- Vốn góp của chủ sở hữu	255.178	280.695	280.695
- Thặng dư vốn cổ phần	60.284	60.284	60.284
- Vốn khác của chủ sở hữu	2.294	2.294	2.294
- Quỹ đầu tư phát triển	10.175	10.410	10.410
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.983	30.715	59.779

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

- Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán bao gồm:

Bảng 24: Vốn kinh doanh của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

(Đơn vị: triệu đồng)

Vốn kinh doanh	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ ngắn hạn	1.217.138	1.317.853	1.262.830

Vốn kinh doanh	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Nợ dài hạn	113.237	97.895	107.517
Vốn chủ sở hữu	403.108	422.144	468.389
Trong đó:			
- Vốn góp của chủ sở hữu	255.178	280.695	280.695
- Thặng dư vốn cổ phần	60.284	60.284	60.284
- Vốn khác của chủ sở hữu	2.294	2.294	2.294
- Quỹ đầu tư phát triển	10.175	10.410	10.410
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	36.960	32.098	74.913
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	38.217	36.363	39.793

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

- Vốn kinh doanh của Công ty được sử dụng như sau:

Bảng 25: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh

(Đơn vị: triệu đồng)

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm (%)	30/06/2021
Theo báo cáo tài chính riêng				
Tiền và tương đương tiền	28.948	35.688	23,28	36.841
Đầu tư tài chính ngắn hạn	293.375	315.801	7,64	302.387
Các khoản phải thu ngắn hạn	616.245	656.874	6,59	567.032
Hàng tồn kho	319.338	352.165	10,28	323.306
Tài sản ngắn hạn khác	7.242	6.018	-16,91	9.661
Tài sản cố định	123.512	94.270	-23,68	82.605
Tài sản dở dang dài hạn	-	896	-	2.654
Đầu tư tài chính dài hạn	171.575	171.575	0,00	235.025
Tài sản dài hạn khác	8.078	9.326	15,45	8.670
Theo báo cáo tài chính hợp nhất				
Tiền và tương đương tiền	29.460	36.513	23,94	37.288
Đầu tư tài chính ngắn hạn	311.553	334.081	7,23	320.505
Các khoản phải thu ngắn hạn	624.331	663.905	6,34	625.802
Hàng tồn kho	387.962	474.924	22,42	485.615

Khoản mục	31/12/2019	31/12/2020	% tăng/giảm (%)	30/06/2021
Tài sản ngắn hạn khác	7.605	9.666	27,10	9.849
Tài sản cố định	372.572	318.802	-14,43	248.517
Tài sản dở dang dài hạn	-	896	-	2.654
Đầu tư tài chính dài hạn	32.037	32.795	2,37	96.245
Tài sản dài hạn khác	9.477	11.262	18,83	12.258

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

2.1.2. Trích khấu hao TSCĐ

a. Tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Thời gian khấu hao của Công ty phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

Bảng 26: Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán của Damsan)

b. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

2.1.3. Mức lương bình quân

Công ty áp dụng thang bảng lương tiên tiến tự xây dựng phù hợp với đặc thù sản xuất kinh doanh của Công ty, người lao động được nhận tiền lương, tiền thưởng, vv... căn cứ vào



hợp đồng lao động, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả công việc cụ thể của từng người theo quy chế của Công ty.

Bảng 27: Mức lương bình quân của CBCNV trong Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Mức lương bình quân (triệu đồng/người)	6,5	7

(Nguồn: Damsan)

Theo Cổng thông tin điện tử tỉnh Thái Bình², thu nhập bình quân đầu người tỉnh Thái Bình năm 2020 ước đạt 50,76 triệu đồng/người/năm tương đương 4,23 triệu đồng/người/tháng. Như vậy, so với thu nhập bình quân của người lao động trên cùng địa bàn mức lương bình quân của người lao động trong Công ty được đánh giá là khá.

Theo con số được công bố tại Hội nghị tổng kết hoạt động công đoàn năm 2019, triển khai nhiệm vụ năm 2020 diễn ra tại Thành phố Nam Định³, thu nhập bình quân của người lao động trong ngành dệt may năm 2019 đạt gần 8 triệu đồng. Như vậy, thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty được đánh giá là thấp hơn so với thu nhập bình quân của người lao động ngành dệt may.

2.1.4. Tình hình công nợ

Tổng số nợ phải thu và tổng số nợ phải trả của Công ty như sau:

Bảng 28: Tổng hợp tình hình công nợ của Công ty

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Theo báo cáo tài chính riêng				
1	Các khoản phải thu	616.245	656.874	567.032
2	Các khoản phải trả	1.211.400	1.258.214	1.154.720
Theo báo cáo tài chính hợp nhất				
1	Các khoản phải thu	624.331	663.905	625.802
2	Các khoản phải trả	1.330.375	1.415.747	1.370.346

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

a. Các khoản phải thu

Bảng 29: Các khoản phải thu theo báo cáo tài chính riêng

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Phải thu ngắn hạn	616.245	656.874	567.032

² Nguồn: <https://thaibinh.gov.vn/nongthonmoi2/xay-dung-nong-thon-moi/tin-tuc-nong-thon-moi/thu-nhap-binh-quan-dau-nguoi-tinh-thai-binh-nam-2020-uc-dat.html>

³ Nguồn: <https://cuocsongantoan.vn/thu-nhap-nguoi-lao-dong-nganh-det-may-tang-7-trong-nam-2019-31488.html>

1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	271.429	222.990	238.436
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	163.237	241.621	129.496
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	62.534	69.245	69.595
4	Phải thu ngắn hạn khác	129.877	135.995	143.569
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-10.832	-12.977	-14.064
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	616.245	656.874	567.032

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 30: Các khoản phải thu theo báo cáo tài chính hợp nhất

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chi tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Phải thu ngắn hạn	624.331	663.905	625.802
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	271.429	226.865	238.436
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	164.190	246.535	188.529
3	Phải thu về cho vay ngắn hạn	62.534	69.245	69.595
4	Phải thu ngắn hạn khác	137.010	134.238	143.306
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-10.832	-12.977	-14.064
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	624.331	663.905	625.802

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

b. Các khoản phải thu quá hạn

Bảng 31: Các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại ngày 30/06/2021

STT	Khách hàng	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên Nhân	Khả Năng Thu Hồi
1	Agrotex Commodities Private limited	180,40	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	Đã trích lập dự phòng 100%
2	BASIN MARKETING (PTE) LTD	308,03	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
3	Công ty TNHH AP	340,06	trên 1	Tiền hàng	

STT	Khách hàng	Giá trị (triệu đồng)	Thời gian quá hạn	Nguyên Nhân	Khả Năng Thu Hồi
	Commodities		năm	khách hàng giao thiếu	
4	GHULAM RABBANI AND CO	833,19	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
5	HUSSAIN MILLS LIMITED	343,63	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
6	LGW Limited	545,71	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
7	Công ty TNHH Minh Trí	508,96	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
8	Ruchi Worldwide LTD	198,48	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
9	SAURASHATRA COTTON & AGRO PRODUCTS PVT., LTD	405,70	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
10	SOFEENE ENTERPRISES	761,02	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
11	SRI SALASAR BALAJI AGRO TECH (PVT) LTD	354,46	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
12	TZANN PIIN INDUSTRIAL CO., LTD	289,00	trên 1 năm	Tiền hàng khách hàng giao thiếu	
13	Đối tượng khác	8.837,69	trên 1 năm	Tiền hàng đã quá hạn thanh toán theo hợp đồng	
	Tổng	13.906,35			

(Nguồn: Damsan)

e. Các khoản phải trả:

Số dư các khoản phải trả của Công ty như sau:

Bảng 32: Số dư các khoản phải trả của Công ty theo báo cáo tài chính riêng

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Nợ ngắn hạn	1.211.400	1.258.214	1.154.720
1	Phải trả người bán ngắn hạn	127.952	191.730	182.376
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.459	14.312	7.897
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	900	1.749	4.143
4	Phải trả người lao động	2.947	3.082	3.007
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	686	353	310
6	Phải trả ngắn hạn khác	416.565	502.089	511.443
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	653.877	542.172	442.816
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.014	2.728	2.728
II	Nợ dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	1.211.400	1.258.214	1.154.720

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 33: Số dư các khoản phải trả của Công ty theo báo cáo tài chính hợp nhất

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
I	Nợ ngắn hạn	1.217.138	1.317.853	1.262.830
1	Phải trả người bán ngắn hạn	91.643	110.751	135.738
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.443	22.296	15.881
3	Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	3.662	1.888	19.839
4	Phải trả người lao động	4.298	4.412	4.447
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	812	671	2.164
6	Phải trả ngắn hạn khác	423.164	507.730	515.454
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	677.103	667.377	566.579
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.014	2.728	2.728
II	Nợ dài hạn	113.237	97.895	107.517
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	113.237	97.895	107.517
	Tổng cộng	1.330.375	1.415.747	1.370.346

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm

2021 đã được soát xét của Damsan)

d. Tình hình thanh toán các khoản nợ

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2019, 2020 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Công ty, kể từ khi thành lập cho đến thời điểm hiện tại, Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

e. Việc vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết

Không có.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước của Công ty như sau:

Bảng 34: Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính riêng
(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Thuế giá trị gia tăng	-	-	-
2	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	886	1.630	3.937
4	Thuế thu nhập cá nhân	14	119	39
5	Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	167
Tổng cộng		900	1.749	4.143

(Nguồn: BCTC riêng năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

Bảng 35: Số dư các khoản thuế và phải nộp nhà nước theo báo cáo tài chính hợp nhất
(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
1	Thuế giá trị gia tăng	2.666	-	12.436
2	Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	972	1.463	7.195
4	Thuế thu nhập cá nhân	24	124	41
5	Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	167
Tổng cộng		3.662	1.587	19.893

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

2.1.6. Trích lập các quỹ

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 36: Các quỹ của Công ty

(Đơn vị: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	30/06/2021
Theo báo cáo tài chính riêng				
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.014	2.728	2.728
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.175	10.410	10.410
	Tổng cộng	15.189	13.138	13.138
Theo báo cáo tài chính hợp nhất				
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.014	2.728	2.728
2	Quỹ đầu tư phát triển	10.175	10.410	10.410
	Tổng cộng	15.189	13.138	13.138

(Nguồn: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán và BCTC riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Damsan)

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Công ty không có biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của mình kể từ thời điểm 31/12/2020.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 37: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính riêng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,04	1,09
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,78	0,81
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	77,24	76,60
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	315,14	352,53
3. Năng lực hoạt động			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
- Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	1,25	0,97
- Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,58	1,18
- Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	5,60	4,53
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	1,57	1,78
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i>	%	1,97	1,72
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	8,02	7,46
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	1.199	985

(Nguồn: BCTC riêng năm 2019, 2020 đã được kiểm toán của Damsan)

Bảng 38: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty các năm gần đây theo báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
1. Khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,12	1,15
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,80	0,79
2. Cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	76,75	77,03
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	330,03	335,37
3. Năng lực hoạt động			
- Vòng quay tổng tài sản: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i>	Vòng	0,99	0,75

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2019	Năm 2020
- Vòng quay vốn lưu động: <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i>	Vòng	1,29	0,93
- Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i>	Vòng	4,18	2,96
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i>	%	0,49	1,83
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA): <i>Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân</i>	%	0,48	1,37
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE): <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i>	%	1,94	5,92
- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/CP	301	705

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán của Damsan)

2.2.1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Trong năm 2020, các chỉ số về thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Công ty không có nhiều thay đổi so với năm 2019. Chỉ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 là 1,15 và của 2019 là 1,12. Chỉ số thanh toán nhanh năm 2020 là 0,79 và của 2019 là 0,8. Nhìn chung, Công ty vẫn đáp ứng được nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn trong năm.

2.2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn nợ/tổng tài sản và nợ/tổng vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm 2020 không có sự thay đổi lớn so với năm 2019. Trong đó, Công ty sử dụng nợ là nguồn vốn chủ yếu cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đặc biệt là nợ ngắn hạn. Hệ số nợ/ tổng tài sản năm 2020 là 0,77 lần so với năm 2019 là 0,76 lần, cho thấy Công ty tận dụng khá tốt đòn bẩy tài chính để đầu tư cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

2.2.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2020 là 2,96 vòng, giảm 1,22 vòng so với năm 2019. Nguyên nhân đến từ việc giá vốn hàng bán của Công ty giảm 373 tỷ đồng, bên cạnh đó hàng tồn kho tăng 87 tỷ đồng. Việc giảm vòng quay hàng tồn kho cho thấy dịch covid làm giảm số lượng hàng bán ra và cũng như hàng tồn kho bị tồn đọng nhiều.

2.2.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2020, dù bị ảnh hưởng xấu bởi tình hình dịch bệnh khiến doanh thu thuần của Công ty giảm, tuy nhiên các chỉ tiêu về tỷ suất lợi nhuận của Công ty lại có sự cải thiện đáng kể chứng tỏ năng lực quản lý của Ban điều hành. Cụ thể là, các chỉ số như lợi nhuận sau



thuế/ doanh thu thuần, lợi nhuận kinh doanh/ doanh thu thuần, ROA, ROE đều tăng từ 2-3 lần so với năm 2019. Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận của Công ty vẫn còn thấp so với các doanh nghiệp cùng ngành, Công ty cần cải thiện hơn mặt này.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

3.1. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damsan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

3.2. Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2019 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damsan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

3.3. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damsan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

3.4. Đối với Báo cáo tài chính riêng năm 2020 của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam: “Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damsan tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.”

3.5. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo



tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damsan tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

3.6. Đối với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Damsan tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến 30 tháng 06 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.”

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2021

Bảng 39: Kế hoạch kinh doanh của Công ty mẹ năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% (+/-) 2020-2021
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.554,12	1.970,00	26,76
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27,64	50,00	80,90
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,78	2,54	42,70
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	280,69	380,68	35,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7,46	13,15	76,27
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	10	15	50

(Nguồn: Damsan)

Bảng 40: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% (+/-) 2020-2021
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.339,29	1.686,00	25,89
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24,45	59,00	141,31



Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% (+/-) 2020-2021
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,83	3,50	91,26
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	280,69	380,69	35,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	5,92	15,5	161,82
Tỷ lệ cổ tức	%/Mệnh giá	10	15	50

(Nguồn: Damsan)

4.2. Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch 2021

Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2021 và được Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

4.3. Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty được xây dựng dựa trên các giả định chắc chắn và mang tính thận trọng cao về tình hình kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng của Công ty. Bản thân doanh nghiệp đã có những bước đầu tư cụ thể, với lộ trình rõ ràng, đã được HĐQT, ĐHĐCĐ thông qua. Cụ thể:

- Chỉ tiêu về doanh thu thuần theo BCTC hợp nhất năm 2021 dự kiến đạt 1.686 tỷ đồng, tăng 25,89% so với năm 2020, chủ yếu đến từ doanh thu bất động sản thu được từ bán nhà liền kề và biệt thự tại khu đô thị Phú Xuân – Damsan và khu dân cư tại Hợp tác xã Hữu nghị Phường Bồ Xuyên – TP Thái Bình.

- Tổ chức triển khai sản xuất kinh doanh theo hướng khai thác công suất cao nhất của các nhà máy sợi, máy dệt, xưởng khảm, đảm bảo chất lượng tốt nhất và chi phí giảm tối đa, nhằm duy trì sản lượng ổn định và thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị ở mức an toàn.

- Theo dõi thị trường để có những điều chỉnh về giá cả, kế hoạch vật tư phù hợp, đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất.

- Bám sát các cơ quan nhà nước để hoàn thiện thủ tục hồ sơ các dự án, kịp thời giải đáp và cung cấp các hồ sơ liên quan để các cơ quan chức năng phê duyệt hồ sơ để triển khai theo kế hoạch.

4.4. Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên biệt, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động của Công ty Cổ phần Damsan.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Công ty đã có những chiến lược, định hướng phù hợp với tình hình hiện tại trong năm 2021.



Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức mà Công ty đưa ra là có tính khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 “Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”. Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo mô hình công ty cổ phần bắt đầu từ ngày 12/06/2006 theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12/06/2006, do vậy toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập tại thời điểm đăng ký lần đầu ngày 12/06/2006 đã hết thời hạn bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 12/06/2009.

2. Thông tin về cổ đông lớn

2.1. Danh sách cổ đông lớn

Bảng 41: Danh sách cổ đông lớn của Công ty ngày 21/06/2021

STT	Tên	Năm sinh	Quốc tịch
1	Vũ Huy Đông – Chủ tịch HĐQT	1955	Việt Nam
2	Vũ Huy Đức - Tổng Giám đốc	1979	Việt Nam
3	Đỗ Đức Khang	1979	Việt Nam

(Nguồn: Damsan)

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành: được trình bày chi tiết tại Mục VI.3
- Các doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành mà Cổ đông lớn có lợi ích liên quan:

+ Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Đông Phong

+ Hoạt động chính của doanh nghiệp: Sản xuất, kinh doanh khăn bông xuất khẩu.



+ Mỗi quan hệ của cổ đông lớn của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ với doanh nghiệp: Ông Vũ Huy Đức là Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong và sở hữu 28,09% vốn góp của Công ty TNHH Đông Phong.

+ Phương án kiểm soát xung đột lợi ích: Ông Vũ Huy Đức và/hoặc người liên quan sẽ không được tham gia biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị của Công ty khi thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Đông Phong.

- Các cổ đông lớn, người đại diện ủy quyền và người liên quan của họ không có phát sinh hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện với Tổ chức phát hành.

2.2. Thông tin người có liên quan đến cổ đông lớn

Thông tin người có liên quan đến cổ đông lớn được trình bày ở bảng 42 trang kế tiếp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]



Bảng 42: Danh sách người có liên quan đến cổ đông lớn tại ngày 21/06/2021

STT	Tên	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần năm giữ (cổ phần)	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch	Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch
1.	Vũ Huy Đông	240.000	240.000	7,15	5.132.703	5.132.703	18,29	6.961.275	6.961.275	18,29	6.961.275	18,29
Người có liên quan đến cổ đông lớn												
1.1.	Lương Thị Dung (Vợ)				235.158	235.158	0,84	318.935	318.935	0,84	318.935	0,84
1.2.	Vũ Huy Đức (Con trai) - Tổng Giám đốc				1.504.800	1.504.800	5,36	2.040.899	2.040.899	5,36	2.040.899	5,36
1.3.	Vũ Phương Diệp (Con gái) - Phó Tổng Giám đốc				1.108.800	1.108.800	3,95	1.503.820	1.503.820	3,95	1.503.820	3,95
1.4.	Đào Thị Duyên (Con dâu)				138.600	138.600	0,49	187.978	187.978	0,49	187.978	0,49
1.5.	Vương Quốc Dương (Con rể) - Phó Tổng Giám đốc				531.331	531.331	1,89	720.623	720.623	1,89	720.623	1,89
1.6.	Vũ Xuân Chiếu (Anh trai)				11.550	11.550	0,04	15.665	15.665	0,04	15.665	0,04



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

STT	Tên	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần nắm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn		Tại ngày chốt danh sách gần nhất làm bản cáo bạch		Dự kiến sau phát hành							
1.7.	Vũ Thị Thảo (Chị gái)				41.550	41.550	0,15	56.353	56.353	0,15	56.353	56.353	0,15
1.8.	Vũ Thị Thoa (Em gái)				154.000	154.000	0,55	208.864	208.864	0,55	208.864	208.864	0,55
1.9.	Hoàng Thanh Vân (Em rể)				93	93	0,0003	126	126	0,0003	126	126	0,0003
1.10.	Vũ Thị Xuân (Em gái)				1.255	1.255	0,005	1.702	1.702	0,005	1.702	1.702	0,005
2.	Vũ Huy Đức	1.368.000	1.368.000	5,36	1.504.800	1.504.800	5,36	2.040.899	2.040.899	5,36	2.040.899	2.040.899	5,36
Người có liên quan đến cổ đông lớn													
2.1	Vũ Huy Đông (Bố đẻ)				5.132.703	5.132.703	18,29	6.961.275	6.961.275	18,29	6.961.275	6.961.275	18,29
2.2	Lương Thị Dung (Mẹ đẻ)				235.158	235.158	0,84	318.935	318.935	0,84	318.935	318.935	0,84
2.3	Đào Thị Duyên (Vợ)				138.600	138.600	0,49	187.978	187.978	0,49	187.978	187.978	0,49
2.4	Vũ Phương Diệp (Em gái) - Phó Tổng Giám đốc				1.108.800	1.108.800	3,95	1.503.820	1.503.820	3,95	1.503.820	1.503.820	3,95



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

STT	Tên	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần năm giữ (cổ phần)	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phần năm giữ	Số lượng cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
		Dự kiến sau phát hành											
		Tại ngày trở thành cổ đông lớn											
2.5	Vương Quốc Dương (Em rể) - Phó Tổng Giám đốc				531.331	531.331	1,89	720.623	720.623	1,89	720.623	720.623	1,89
3.	Đỗ Đức Khang	1.550.000	1.550.000	6,07	1.705.000	1.705.000	6,07	2.312.422	2.312.422	6,07	2.312.422	2.312.422	6,07
		Người có liên quan đến cổ đông lớn											
3.1	Đỗ Văn Khôi (bố)				1.039.500	1.039.500	3,70	1.409.831	1.409.831	3,70	1.409.831	1.409.831	3,70
3.2	Nguyễn Thị Oanh (mẹ)				345.400	345.400	1,23	468.451	468.451	1,23	468.451	468.451	1,23
3.3	Đỗ Thị Khuyên (em gái)				263.632	263.632	0,94	357.553	357.553	0,94	357.553	357.553	0,94

(Nguồn: Damsan)



3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Cơ cấu HĐQT ở thời điểm hiện tại như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Văn Khôi	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Nguyễn Lê Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành
Ông Phạm Văn Thượng	Thành viên HĐQT độc lập

3.1.1. Ông Vũ Huy Đông - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ và tên: Vũ Huy Đông
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/06/1955
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 034055003633 – do Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 23/10/2017
- Địa chỉ: Số 01 đường Lê Trọng Thứ, tổ 4, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1980 - 1989	Công ty CTMNXK Thái Bình	Nhân viên Phòng Kế hoạch
1990 - 2004	Công ty XNK Thái Bình	Cửa hàng Trưởng
2005 - 2007	Công ty thương mại Đầu tư Thái Bình Công ty CP Dệt sợi DamSan	Giám đốc
2006 - 2015	Công ty CP Dệt sợi DamSan	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2015 - 2020	Công ty CP DamSan	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
2020 - nay	Công ty CP DamSan	Chủ tịch Hội đồng quản trị



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2021 - nay	Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân	Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 5.132.703 cổ phần tương đương 18,29% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 5.132.703 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần tại Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lương Thị Dung	Không	Vợ	235.158	0,84
2	Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	Con trai	1.504.800	5,36
3	Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	Con gái	1.108.800	3,95
4	Đào Thị Duyên	Không	Con dâu	138.600	0,49
5	Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	Con rể	531.331	1,89
6	Vũ Xuân Chiêu	Không	Anh trai	11.550	0,04
7	Vũ Thị Thảo	Không	Chị gái	41.550	0,15
8	Vũ Thị Thoa	Không	Em gái	154.000	0,55
9	Hoàng Thanh Văn	Không	Em rể	93	0,0003
10	Vũ Thị Xuân	Không	Em gái	1.255	0,004
	Tổng cộng			3.727.137	13,27

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:



Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
644	639	288	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.1.2. Ông Đỗ Văn Khôi - Thành viên HĐQT không điều hành

- Họ và tên: Đỗ Văn Khôi
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 30/08/1973
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 011652545 – do CA Hà Nội cấp ngày 16/08/2007
- Địa chỉ: 44 Yên phụ, phường Trúc bạch, quận Ba đình, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Ngoại thương Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1977 – 2015	Công ty CP XNK thủ công mỹ nghệ	Nhân viên
2006 - nay	Công ty Cổ phần Damsan	Thành viên HĐQT không điều hành

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT không điều hành
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.039.500 cổ phần tương đương 3,70% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 1.039.500 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần tại Công ty:
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Oanh	Không	Vợ	345.400	1,23
2	Đỗ Đức Khang	Không	Con trai	1.705.000	6,07
3	Đỗ Thị Khuyên	Không	Con gái	263.632	0,94
Tổng cộng				2.314.032	8,24

- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
150	140	60	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.1.3. Ông Nguyễn Lê Hùng - Thành viên HĐQT không điều hành

- Họ và tên: Nguyễn Lê Hùng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/04/1956
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 010060392 – do CA Hà Nội cấp ngày 02/11/2011
- Địa chỉ: 22 phố Vũ Miên, phường Yên Phụ, quận Tây hồ, thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng - Đại học Xây dựng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 - nay	Công ty TNHH Minh Trí	Giám đốc Tài chính
2006 – nay	Công ty Cổ phần Damsan	Thành viên HĐQT không điều hành

- Chức vụ công tác hiện nay:



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

- + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT không điều hành
- + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc tài chính Công ty TNHH Minh Trí
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.397.732 cổ phần tương đương 4,98% vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Cá nhân sở hữu: 1.397.732 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần tại Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
114	104	42	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.1.4. Ông Lê Văn Tuấn – Thành viên HĐQT không điều hành

- Họ và tên: Lê Văn Tuấn
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/07/1961
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 011841151 – do CA Hà Nội cấp ngày 27/05/2010
- Địa chỉ: Số 3 ngõ 53 phố Tôn Thất Thiệp, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1985 - 1990	Công ty Dầu lửa Trung Ương	Chuyên viên



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1991 - 1995	Công ty XNK Nacenimex	Chuyên viên
1996 - nay	Công ty cổ phần Thanh Bình Hà Nội	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2016- nay	Công ty Cổ phần Damsan	Thành viên HĐQT không điều hành

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT không điều hành
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Thanh Bình Hà Nội
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 462.000 cổ phần tương đương 1,65% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 462.000 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Thị Mên	Không	Vợ	57.750	0,21
Tổng cộng				57.750	0,21

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
114	104	42	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.1.5. Ông Phạm Văn Thượng – Thành viên HĐQT độc lập

- Họ và tên: Phạm Văn Thượng
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/02/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 030085004797 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018
- Địa chỉ: P2613 CC BMM, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008 – 3/2019	Công ty cổ phần Chứng khoán FPT	Trưởng nhóm dự án
4/2019 - nay	Phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Chuyên viên cao cấp
2019 – nay	Công ty Cổ phần Damsan	Thành viên HĐQT độc lập

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT độc lập
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên cao cấp Phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp – Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thủ lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
-	104	42	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: không có

3.2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc hiện tại của Công ty như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Chiến	Phó Tổng Giám đốc

3.2.1. Ông Vũ Huy Đức – Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Vũ Huy Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/10/1979
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 034079008512 – do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/12/2019
- Địa chỉ: Số 08, Tổ 3, Phường Trần Hưng Đạo, TP. Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2001-2004	Công ty TNHH Minh Trí	Cán bộ phòng KH
2004-2009	Công ty TNHH Đông Phong	Giám đốc Nhà máy sợi
2010-nay	Công ty TNHH Đông Phong	Giám đốc
T4/2015-T4/2021	Công ty CP Damsan	Thành viên HĐQT
Tháng 8/2020-T4/2021	Công ty CP Damsan	Quyền Tổng Giám đốc

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
T5/2021-nay	Công ty CP Damsan	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Tổng Giám đốc
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Đông Phong
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.504.800 cổ phần tương đương 5,36% vốn điều lệ.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 1.504.800 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	Bố đẻ	5.132.703	18,29
2	Lương Thị Dung	Không	Mẹ đẻ	235.158	0,84
3	Đào Thị Duyên	Không	Vợ	138.600	0,49
4	Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	Em gái	1.108.800	3,95
5	Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	Con rể	531.331	1,89
Tổng cộng				7.146.592	25,46

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
114	316	133	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:



Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ và tỷ lệ sở hữu	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Công ty TNHH Đông Phong	Sản xuất sợi, khăn xuất khẩu	Nhật Bản	Miền Bắc	Sợi, khăn	Giám đốc (Tỷ lệ sở hữu: 28,09%)	Ông Vũ Huy Đức có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Ông Đức có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Đông Phong. Đồng thời Ông Đức và/hoặc người liên quan của Ông Đức không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua các giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Đông Phong

3.2.2. Bà Vũ Phương Diệp – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Vũ Phương Diệp
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 02/09/1986
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 013529662 – do CA Hà Nội cấp ngày 21/04/2012 .
- Địa chỉ: Số 28, ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012-2014	Công ty CP dệt sợi Damsan	Nhân viên phòng kinh doanh
2014-T8/2020	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư xây dựng ACC	Giám đốc
2016-2017	Công ty CP Damsan	Giám đốc kinh doanh
2017 - nay	Công ty CP Damsan	Phó Tổng Giám đốc
T9/2020-nay	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Golf Long Hưng



- Tổng số cổ phần nắm giữ: 1.108.800 cổ phần tương đương 3,95% vốn điều lệ
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- + Cá nhân sở hữu: 1.108.800 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	Bố đẻ	5.132.703	18,29
2	Lương Thị Dung	Không	Mẹ đẻ	235.158	0,84
3	Vương Quốc Dương	Phó Tổng Giám đốc	Chồng	531.331	1,89
4	Vũ Huy Đức	Tổng Giám đốc	Anh trai	1.504.800	5,36
5	Đào Thị Duyên	Không	Chị dâu	138.600	0,49
4	Công ty TNHH Golf Long Hưng	Không	Giám đốc	164.850	0,59
Tổng cộng				7.707.442	27,46

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
294	354	168	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành:

Tên doanh nghiệp	Hoạt động chính	Khách hàng mục tiêu	Địa bàn hoạt động	Sản phẩm	Chức vụ nắm giữ và tỷ lệ sở hữu tại doanh nghiệp	Phương án kiểm soát xung đột lợi ích
Công ty TNHH Golf Long Hưng	Kinh doanh hồng, sợi	Nội địa	Miền Bắc	Bông, sợi	Giám đốc (Tỷ lệ sở hữu: 0%)	Bà Vũ Phương Diệp có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà Bà Diệp có thể được hưởng thông qua Công ty TNHH Golf Long Hưng. Đồng thời Bà Diệp và/hoặc người liên quan của Ông Đức không được biểu quyết tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua các giao dịch giữa Công ty và Công ty TNHH Golf Long Hưng

3.2.3. Ông Vương Quốc Dương – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Vương Quốc Dương
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 17/05/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 051085000377 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 08/10/2018.
- Địa chỉ: Số 28, Ngõ 12 đường Phạm Thế Hiển, KĐT II, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006-2009	Trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	Giảng viên trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh.; Giảng viên trường Đại học Công nghiệp TP Hồ Chí Minh.
2010-2012	Ngân hàng Lienvietpostbank	Chuyên viên Tin dụng Ngân hàng Lienvietpostbank tại Hà Nội
T3/2013-T6/2020	Công ty Cổ phần Damsan	Giám đốc Nhà máy Damsan 2 - Công ty Cổ phần Damsan
T7/2020-nay	Công ty Cổ phần Damsan	Phó Tổng Giám đốc

**BẢN CÁO BẠCH****CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN**

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phiếu nắm giữ: 531.331 cổ phần tương đương 1,89% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 531.331 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Hà Thị Tĩnh Tâm		Mẹ đẻ	195.404	0,70
2	Vũ Huy Đông	Chủ tịch HĐQT	Bố vợ	4.739.603	16,89
3	Lương Thị Dung		Mẹ vợ	235.158	0,84
4	Vũ Phương Diệp	Phó Tổng Giám đốc	Vợ	1.108.800	3,95
5	Vương Hồng Ân		Em gái	119.900	0,43
Tổng cộng				6.398.865	22,81

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
-	213	105	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.2.4. Ông Lê Xuân Chiến – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Lê Xuân Chiến
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/10/1983



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 151365101- do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 23/07/2013.
- Địa chỉ: Xóm 1 Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Học viện Tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005-2006	Công ty CP đầu tư và phát triển nhà Tây Hồ	Kế toán
2006-2007	Công ty CP Sông Đà 12	Kế toán
2007-2008	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Kế toán
2008-2009	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Phó phòng kế toán
2009-2014	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Trưởng phòng kế hoạch tài chính kiêm Phó phòng kế toán
2014-2015	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng kế hoạch tài chính
2016-2020	Công ty CP Damsan	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
07/2020 – nay	Công ty TNHH SX và TM HT Vina	Chủ tịch HĐQT
2020-nay	Công ty CP Damsan	Phó tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Phó tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại HT Vina
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 948.620 cổ phần tương đương 3,38% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 948.620 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Lê Văn Hiếu		Bố đẻ	1.155	0,004
2	Vũ Thị Đào		Mẹ đẻ	1.155	0,004
3	Bùi Thị Hương		Vợ	1.155	0,004

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
4	Lê Thị Huế		Em gái	1.155	0,004
Tổng cộng				4.620	0,02

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
-	211	105	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.3. Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Phạm Thị Hồi	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Vũ Thuý Linh	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Tạ Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát

3.3.1. Bà Phạm Thị Hồi – Trưởng Ban Kiểm soát

- Họ và tên: Phạm Thị Hồi
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 20/08/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 151226502 – do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 29/11/2013
- Địa chỉ: Xã Tân Hòa, Huyện Vũ Thư, Tỉnh Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán Học viện Tài chính
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2004-2006	Công ty TNHH Kiến trúc Rồng Việt Đà Nẵng	Kế toán
2006-2008	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Kế toán
2008-2012	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Phó phòng kinh doanh
2012-2017	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Phó phòng TCNS
2017-2018	Công ty CP Damsan	Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án
2019-nay	Công ty CP Damsan	Trưởng ban kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Trưởng Ban Kiểm soát
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 3.465 cổ phần tương đương 0,01% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 3.465 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
36	36	18	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.3.2. Bà Vũ Thùy Linh - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Vũ Thùy Linh
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 03/12/1986
- Quốc tịch: Việt Nam



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

- CMND/CCCD số: 034186001233 – do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 22/12/2016
- Địa chỉ: Số 34, tổ 35, phường Hoàng Diệu, Thành phố Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2011 - 2015	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Nhân viên PKD
2018 - 2019	Công ty CP Damsan	Trưởng ban kiểm soát
2019 - nay	Công ty CP Damsan	Thành viên BKS

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 17.325 cổ phần tương đương 0,06% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 17.325 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty:

STT	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ	Số cổ phần sở hữu tại tổ chức phát hành	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Vũ Văn Nhung		Bố đẻ	577	0,002
Tổng cộng				577	0,002

- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
24	24	12	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

3.3.3. Bà Tạ Thị Thu Hiền - Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: Tạ Thị Thu Hiền
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 24/04/1984
- Quốc tịch: Việt Nam
- CMND/CCCD số: 151356444 – do Công an tỉnh Thái Bình cấp ngày 03/12/2013
- Địa chỉ: Số 28, tổ 17, phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2008-2015	Công ty CP Dệt sợi Damsan	Nhân viên Phòng TCNS
2015-2018	Công ty CP Damsan	Nhân viên Phòng TCNS
2018-nay	Công ty CP Damsan	Thành viên BKS

- Chức vụ công tác hiện nay:
 - + Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát
 - + Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Tổng số cổ phần nắm giữ: 203.309 cổ phần tương đương 0,72% vốn điều lệ
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
 - + Cá nhân sở hữu: 203.309 cổ phần
- Những người liên quan nắm giữ cổ phần Công ty: Không có
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có
- Lợi ích liên quan đến Công ty:

Thù lao			Lợi ích khác			Hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện	
Năm 2019 (triệu đồng)	Năm 2020 (triệu đồng)	6 tháng đầu năm 2021 (triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021	Công ty con	Tổ chức phát hành
24	24	12	không có	không có	không có	không có	không có

- Lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh cùng lĩnh vực với tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/ nhà cung cấp lớn của tổ chức phát hành: Không có

3.4. Kế toán trưởng - Ông Lê Xuân Chiến

Thông tin chi tiết về ông Lê Xuân Chiến đã được trình bày trong mục 3.2.4



VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

10.000.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

100.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán

10.000 đồng/cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

6.1. Nguyên tắc xác định giá chào bán

- Giá trị sổ sách cổ phiếu Công ty Cổ phần Damsan tại thời điểm 31/12/2020 trên BCTC hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \text{Vốn chủ sở hữu/Số cổ phiếu đang lưu hành} \\ &= 422.143.664.088/28.069.450 \\ &= 15.039 \text{ đồng/cổ phiếu} \end{aligned}$$

- Bình quân giá cổ phiếu Công ty Cổ phần Damsan giao dịch trên HOSE trong 10 phiên giao dịch (từ ngày 18/3/2021 đến 31/03/2021) là 16.961 đồng/cổ phiếu.

6.2. Xác định giá chào bán

Căn cứ nhu cầu huy động vốn, nhằm tăng khả năng huy động vốn của Công ty, HĐQT đề xuất và đã được ĐHĐCĐ chấp thuận giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu.

7. Phương thức phân phối

- Cổ phiếu được phân phối thông qua phương thức thực hiện quyền. Tỷ lệ thực hiện quyền là 561.389:200.000, theo đó căn cứ vào ngày đăng ký cuối cùng phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phiếu tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua. Số cổ phiếu được mua thêm sẽ tính theo công thức: Số cổ phiếu được mua thêm = Số quyền x 200.000/561.389 và được làm tròn xuống hàng đơn vị.

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu mới phát hành thêm, cổ đông A đang sở hữu 200 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phiếu mới phát hành thêm tương ứng là $(200 \times 200.000 / 561.389) = 71,25$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của cổ đông A được mua sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 71 cổ phiếu.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết (cổ phiếu còn dư):

+ Số cổ phiếu lẻ phát sinh trong quá trình thực hiện quyền được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một



phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán được phép thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu và giá trị sổ sách của cổ phiếu tại thời điểm chào bán nhưng không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

- + Việc xử lý cổ phiếu còn dư đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
- + Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt phát hành.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu: Không quy định
- Thời hạn nhận đăng ký: Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời gian đăng ký và nộp tiền mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
 - Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có): Không quy định
 - Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu: Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định.
 - + Với cổ đông đã lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại các Thành viên lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký;
 - + Với cổ đông chưa lưu ký: Người sở hữu làm thủ tục chuyển nhượng quyền mua, đăng ký đặt mua và nộp tiền đặt mua cổ phiếu tại Trụ sở Công ty: Lô A4, đường Bùi Viện, khu công nghiệp Nguyễn Đức Cảnh, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Bảng 43: Lịch trình phân phối cổ phiếu dự kiến

STT	Công việc	Thời gian
1	Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán có hiệu lực	Ngày T



STT	Công việc	Thời gian
2	Thông báo chốt danh sách cổ đông gửi tới Trung tâm lưu ký và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh để triển khai	T+2
3	Công bố việc phát hành trên các phương tiện thông tin đại chúng	T + 2 đến T + 7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	T + 11
5	Ngày đăng ký cuối cùng	T + 12
6	Phối hợp cùng Trung tâm lưu ký phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán	T + 16 đến T + 22
7	Cổ đông đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phiếu	T + 23 đến T + 43
8	VSD gửi danh sách tổng hợp nhà đầu tư đăng ký mua cổ phiếu phát hành thêm	T + 50
9	HOQT phân phối số cổ phiếu không bán hết	T + 51 đến T + 61
10	Báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành	T + 62
11	Nộp hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và niêm yết bổ sung	T + 64

(T: Ngày làm việc)

10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền được tự do chuyển nhượng;
- Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh và số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa sau:

- Chủ tài khoản: Công ty Cổ phần Damsan
- Số tài khoản: 47110001074223
- Nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Bình

12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổ chức phát hành không thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành.



13. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Theo công văn số 3431/UBCK-PTTT của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 09/07/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Damsan hiện tại là 50%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tại ngày 27/09/2021⁴: 1,36%

Đối với cổ phiếu lẻ và cổ phiếu còn dư từ đợt chào bán, Hội đồng quản trị sẽ chỉ thực hiện phân phối cho các nhà đầu tư trong nước.

14. Các loại thuế có liên quan

14.1. Thuế liên quan đến hoạt động doanh nghiệp

14.1.1. Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thuế suất thuế GTGT mà Công ty phải chịu là 10%. Dự án nhà ở xã hội cho các hộ dân có thu nhập thấp theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao chịu thuế suất thuế GTGT 5%.

14.1.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% được áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy DamSan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy DamSan II được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 17% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10%. Năm 2020 là năm thứ 14 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan I và là năm thứ 10 Công ty có lãi từ dự án nhà máy DamSan II.

14.2. Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty

14.2.1. Thuế áp dụng đối với nhà đầu tư cá nhân

Đối với nhà đầu tư trong nước: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư nước ngoài: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN là 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

Trong trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức từ Công ty, nếu cổ tức được chia là cổ tức tiền mặt thì Thuế TNCN được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận

⁴ Nguồn: <https://www.hsx.vn/Modules/Cms/Web/ViewArticle/af415f73-6e58-47fc-b9bc-29e073e472cb>



cổ tức bằng cổ phần hoặc cổ phần thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phần, tuy nhiên khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phần này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

14.2.2. Thuế áp dụng với nhà đầu tư tổ chức

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Riêng đối với doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp 2008.

15. Thông tin về các cam kết

Công ty Cổ phần Damsan cam kết triển khai thực hiện niêm yết bổ sung và đăng ký chứng khoán bổ sung đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định pháp luật.

16. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 24/04/2021/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 24/04/2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Damsan đã thông qua Tờ trình số 11/TTr-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2021 về việc thông qua chủ trương Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2021. Cụ thể như sau:

- Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Damsan.
- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, không có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền.
- Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ.
- Đồng tiền sử dụng để: Đồng Việt Nam (VND)

phát hành và thanh toán:

- Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ thông qua Đại lý phát hành.
- Khối lượng phát hành: Tối đa 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng).
- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/Trái phiếu (Một triệu đồng trên một Trái phiếu).
- Giá phát hành: 100% mệnh giá.
- Kỳ hạn: Tối đa ba (03) năm kể từ ngày phát hành
- Lãi suất dự kiến: Do HĐQT quyết định, phụ thuộc vào điều kiện thị trường



- tại thời điểm phát hành nhưng tối đa không quá 11%/năm.
- Kỳ điều chỉnh lãi suất: Trái phiếu phát hành với lãi suất cố định trong suốt kỳ hạn.
 - Giá chuyển đổi: Giá dự kiến 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty dự kiến nộp Hồ sơ báo cáo phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lên UBCKNN trong Quý IV năm 2021 và thực hiện phân phối trái phiếu ngay sau khi được UBCKNN chấp thuận Hồ sơ theo quy định.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

- Góp vốn vào Công ty cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 100.000.000.000 đồng sẽ được sử dụng như sau:

STT	Hạng mục	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn	100.000.000.000	Quý III – IV năm 2021

I. Giới thiệu chung về Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 1001221620 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 25/02/2021, thay đổi lần thứ 2 ngày 09/07/2021.
- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 36, đường Chu Văn An – Dự án Khu dân cư Đam San – Quang Trung, tổ 07, phường Quang Trung, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, Việt Nam.
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần: 18.000.000 cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường bộ
- Mối quan hệ giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn với Damsan và người có liên quan của Damsan: Ông Vũ Huy Đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn, đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Damsan; Ông Lê Xuân Chiến là Kế toán trưởng của Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn, đồng thời là Kế toán trưởng của Damsan.
- Quá trình thành lập:
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn được thành lập ngày 25/02/2021 với 4 cổ đông: Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP, Công ty Cổ phần Lam Sơn Thái Bình, Công ty Cổ phần Damsan và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thành. Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn được thành lập để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Ngàn. Dự án này có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần giảm tải giao thông cho tuyến quốc lộ 10 và phục vụ thiết thực cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình trong thời gian sắp



tới.

- + Theo Quyết định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình số 27/QĐ-XPVPHC ngày 10/09/2021, Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn đã bị xử phạt vi phạm hành chính do kê khai không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 1. Cụ thể, tại thời điểm kê khai, nộp hồ sơ đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận ĐKDN lần 1 (để nghị giảm vốn điều lệ từ 350.000.000.000 tỷ xuống còn 180.000.000.000 đồng), Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn cam kết đã góp đủ vốn điều lệ 180 tỷ đồng. Sau đó, công ty đã được cấp Giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 1 ngày 17/06/2021. Tuy nhiên, theo Công văn số 09/2021/CV – SKHDT/CN ngày 09/9/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn, đến ngày 05/07/2021, số vốn điều lệ mới góp đủ là 180.000.000.000 đồng.

2. Thông tin về việc góp vốn của Công ty Cổ phần Damsan tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn

2.1. Cơ sở pháp lý về việc mua cổ phần:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2020 số 2706/2020/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 27/06/2021 của Công ty Cổ phần Damsan thông qua Tờ trình số 08/TTr-ĐHĐCĐ việc góp vốn mua cổ phần để đầu tư xây dựng tuyến đường Thái Bình - Cầu Ngàn.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 24042021/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 24/04/2021 của Công ty Cổ phần Damsan thông qua Tờ trình số 12/TTr-ĐHĐCĐ ngày 02/04/2021 về Kế hoạch đầu tư Dự án xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngàn.
- Nghị quyết HĐQT số 2302/2021/NQ-HĐQT-DS ngày 23/02/2021 của Công ty Cổ phần Damsan về việc góp vốn mua cổ phần và cử người đại diện phần vốn góp của công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn.
- Nghị quyết HĐQT số 3007/2021/NQ-HĐQT ngày 30/07/2021 của Công ty Cổ phần Damsan về việc góp thêm vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn.
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/07/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn thông qua phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ.

2.2. Thông tin chung việc góp vốn của Công ty Cổ phần Damsan tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn

- Hình thức góp vốn: góp vốn mua cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần đã góp: 8.100.000 cổ phần.
- Số cổ phần đăng ký mua thêm: 12.150.000 cổ phần (trong đó, số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng dùng để mua 10.000.000 cổ phần tương ứng 100.000.000.000 đồng)
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

- Giá bán cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá trị cổ phần theo giá bán: 121.500.000.000 đồng.
- Như vậy, sau khi hoàn tất việc góp vốn thì phần vốn góp cổ phần của Công ty Cổ phần Damsan tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân là 202.500.000.000 đồng, tương ứng 20.250.000 cổ phần, chiếm 45% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân.
- Thời điểm thực hiện mua cổ phần: Trong năm 2021, sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Damsan (đối với số lượng 10.000.000 cổ phần).
- Kế hoạch của Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân sử dụng phần vốn góp từ Công ty Cổ phần Damsan: toàn bộ phần vốn góp dùng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngân theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT).
- Sự thay đổi của Damsan trong kế hoạch góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân so với nội dung đã báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2021 ngày 24/4/2021:

+ Theo nội dung đã báo cáo ĐHCĐ thường niên năm 2021: Số vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân là 350 tỷ đồng; Số vốn đã góp của Damsan tại công ty này tính đến ngày 24/4/2021 là 42,826 tỷ đồng; số vốn cần góp thêm của Damsan vào Công ty này là 114,674 tỷ đồng để đạt tỷ lệ góp vốn là 45% vốn điều lệ của CTCP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân.

+ Theo kế hoạch góp vốn hiện tại: Damsan sẽ góp thêm 121,5 tỷ đồng vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân trong đợt tăng vốn từ 180 tỷ đồng lên 450 tỷ đồng của công ty này.

Sự thay đổi này là do: theo nhu cầu vốn của CTCP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân, sau ngày 24/4/2021, Damsan đã phải huy động nguồn vốn khác để góp thêm vốn vào CTCP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân, tổng số tiền Damsan đã góp vào công ty này tính đến ngày 05/7/2021 là 81 tỷ đồng. Đồng thời, ĐHCĐ Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân đã thông qua Nghị quyết ĐHCĐ số 04/NQ-ĐHCĐ ngày 10/07/2021 về việc tăng vốn điều lệ lên 450 tỷ đồng thay vì 350 tỷ đồng như kế hoạch ban đầu. Theo đó, để đảm bảo tỷ lệ góp vốn là 45% vốn điều lệ của CTCP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân, Damsan sẽ phải góp thêm 121,5 tỷ đồng vào công ty này.

3. Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình

- Cơ sở pháp lý thực hiện dự án:
 - + Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 13/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngân.
 - + Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 26/05/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngân.
 - + Quyết định số 524/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Bình về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện Dự án tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn.

- + Thông báo số 17/TB-BQLDAGT ngày 19/02/2021 của UBND tỉnh Thái Bình về Kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Nghìn theo hình thức Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT).
- + Quyết định số 1658/QĐ-UBND ngày 12/06/2020 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Nghìn.
- + Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) số 01/HD-BOT, ngày 26/02/2021.
- + Thỏa thuận liên danh Đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư số 01/2020/TTLĐ ngày 24/11/2020.
- Tiến độ dự kiến thực hiện dự án: 27 tháng kể từ khi bàn giao mặt bằng (Dự kiến quý IV/2021 bàn giao mặt bằng).
- Tổng vốn đầu tư: 2.586,83 tỷ đồng
- Tình hình thu xếp vốn đối với dự án theo phương án đã được phê duyệt:
 - + Theo quyết định số 1658/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình:
 - ✓ Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 785,97 tỷ đồng.
 - ✓ Vốn đầu tư của Nhà đầu tư BOT: 1.800,86 tỷ đồng, trong đó:
 - i) Vốn chủ sở hữu: 330,09 tỷ đồng.
 - ii) Vốn Nhà đầu tư huy động: 1470,77 tỷ đồng.
 - + Theo Hợp đồng Xây dựng – Kinh doanh – Chuyển giao (BOT) số 01/HD-BOT, ngày 26/02/2021:
 - ✓ Vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác: 778,88 tỷ đồng
 - ✓ Vốn đầu tư của Nhà đầu tư BOT: 1.807,92 tỷ đồng, trong đó:
 - iii) Vốn chủ sở hữu: 350 tỷ đồng.
 - iv) Vốn Nhà đầu tư huy động: 1457,92 tỷ đồng.
- Thay đổi so với cơ cấu vốn đã được phê duyệt:
 - + Vốn vay ngân hàng (dự kiến): 1.200 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Nghìn đang làm việc với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh Thái Bình để ký hợp đồng tín dụng với hạn mức vay 1.200 tỷ đồng. Trước đó, ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – chi nhánh Thái Bình đã ra công văn số 640/CV-BIDV.TB ngày 21/07/2020 về việc cam



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

kết thu xếp tài chính có điều kiện, cam kết cung cấp gói tín dụng với số tiền 1.470.770.000.000 VND để các thành viên liên danh Tổng công ty Xây dựng số 1 - CTCP, Công ty Cổ phần Lam Sơn Thái Bình, Công ty Cổ phần CTCP Damsan và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thành tham gia sơ tuyển dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngàn, cam kết này có thời hạn 180 ngày và đến nay đã hết hiệu lực

- + **Vốn ngân sách tỉnh:** Theo quyết định số 1658/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình: Tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi cầu Ngàn, vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác là 785,97 tỷ đồng. Sau khi ký hợp đồng BOT, vốn ngân sách được điều chỉnh xuống 778,88 tỷ đồng.
- + **Vốn tự có:** Vốn điều lệ thực góp của CTCP Thái Bình Cầu Ngàn tại thời điểm hiện tại (tháng 9/2021) là 180 tỷ đồng. ĐHCĐ CTCP Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-ĐHCĐ ngày 10/07/2021 về việc phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 450 tỷ đồng thay vì 350 tỷ đồng theo cơ cấu vốn đã nêu tại hợp đồng BOT. Điều này là do, nguồn vốn huy động từ nguồn khác (vốn vay ngân hàng) theo dự kiến chỉ đạt 1.200 tỷ đồng thay vì 1457,92 tỷ đồng theo cơ cấu vốn tại hợp đồng BOT.
- **Tiến độ thực hiện dự án tính đến ngày 31/07/2021:**
 - + **Công tác khảo sát thiết kế:**
 - ✓ Công tác khảo sát phục vụ thiết kế kỹ thuật: Đã hoàn thành.
 - ✓ Công tác thiết kế kỹ thuật: Đến nay đã hoàn thành thẩm định và phê duyệt hồ sơ TKKT được 5km gồm các đoạn Km2+500 - Km4+500, Km11+000 - Km12+000, Km13+500 - Km14+500, Km21+000 - Km22+000. Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn sẽ trình thẩm định các đoạn còn lại và phê duyệt trong tháng 8/2021. Đối với 3 đoạn điều chỉnh nút giao, sau khi hồ sơ điều chỉnh dự án được UBND tỉnh Thái Bình phê duyệt chủ trương sẽ triển khai thiết kế kỹ thuật.
 - ✓ Công tác thiết kế bản vẽ thi công: Thiết kế bản vẽ thi công triển khai theo từng hạng mục đối với các đoạn đã thẩm định và phê duyệt TKKT (Km2+500 - Km4+500, Km11+000 - Km12+000, Km13+500 - Km14+500, Km21+000 - Km22+000) đảm bảo theo quy định. Trong tháng 8/2021 tiếp tục triển khai thiết kế bản vẽ thi công và phê duyệt các đoạn còn lại sau khi phê duyệt hồ sơ TKKT theo quy định.
 - + **Công tác lựa chọn nhà thầu:**

Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn đã triển khai công tác lựa chọn nhà thầu đến nay đã ký Hợp đồng với các nhà thầu Tư vấn và thi công xây dựng cụ thể như sau:

 - ✓ Gói thầu tư vấn:



v) Tư vấn lập Hồ sơ yêu cầu và đánh giá Hồ sơ đề xuất: Công ty TNHH Giao thông vận tải và Viện KHCN về đầu tư và xây dựng;

vi) Tư vấn khảo sát, lập thiết kế kỹ thuật: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cầu Lớn – Hầm, Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế đường bộ, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng CTGT 2, Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Đông Á.

vii) Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh: Công ty cổ phần tư vấn thiết kế Cầu Lớn – Hầm.

viii) Tư vấn thẩm tra nhiệm vụ khảo sát và thẩm tra thiết kế kỹ thuật: Công ty CP tư vấn xây dựng T&D Việt Nam.

ix) Tư vấn giám sát: Công ty CP tư vấn xây dựng công trình Thăng Long, Công ty CP tư vấn xây dựng CTGT Miền Bắc, Công ty CP tư vấn thiết kế Cầu Lớn – Hầm.

x) Tư vấn thí nghiệm: Công ty TNHH quốc tế Lam Kinh (LAS XD189), Công ty cổ phần kiểm định THT (LAS XD1498).

✓ Gói thầu thi công:

i) Gói thầu XL01: Thi công xây dựng đường từ Km2+500-Km4+000, nhà thầu Công ty TNHH xây dựng Đức Dũng Thái Bình.

ii) Gói thầu XL07: Thi công xây dựng đường từ Km13+500-Km15+225.69, nhà thầu Liên danh Công ty CP Tập đoàn đầu tư xây dựng Nam Sông Hồng và Công ty CP cầu 1 Thăng Long.

iii) Gói thầu XL09: Thi công xây dựng đường từ Km17+000-Km19+000, nhà thầu Tổng công ty xây dựng số 1 – CTCP (CCI).

iv) Gói thầu XL11: Thi công xây dựng đường từ Km21+000-Km23+809, nhà thầu Liên danh Công ty CP lam Sơn Invest và Công ty Cổ phần SHC.

+ Công tác triển khai thi công tại hiện trường:

✓ Đối với đoạn đã nhận bàn giao mặt bằng đất nông nghiệp trên toàn tuyến, Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngàn đã chỉ đạo yêu cầu các Nhà thầu triển khai ngay việc khôi phục các cọc giải phóng mặt bằng trên thực địa đã bị mất theo đề nghị của các địa phương đồng thời triển khai một số công việc chuẩn bị và thi công trên công trường như sau:

i) Triển khai thi công đào bóc hữu cơ, rải vải địa kỹ thuật và thi công đắp nền đường các đoạn Km2+500-Km4+500, Km13+500-Km14+500, Km18+00-Km19+00, Km21+00-Km22+00.

ii) Tập kết vật liệu cát đắp nền đường đạt khoảng 70.000m³.



✓ Kế hoạch triển khai thi công tháng 8/2021: Các nhà thầu tiếp tục triển khai huy động thiết bị, tập kết vật tư vật liệu đến công trường, thi công đào bóc hữu cơ và đắp nền đường tại các đoạn Km2+500-Km4+500, Km13+500-Km15+225.69, Km18+00-Km19+00, Km21+000-Km22+00.

+ Công tác giải phóng mặt bằng:

UBND tỉnh Thái Bình xác định đây là dự án trọng điểm của tỉnh để phát triển kinh tế nên công tác giải phóng mặt bằng tương đối thuận lợi. Cụ thể:

✓ Theo kế hoạch trong hợp đồng dự án: Tháng 7/2021 bàn giao 19 km đất nông nghiệp; tháng 12/2021 bàn giao 2,309 km đất ở.

✓ Thực tế: Trong tháng 6/2021 đã bàn giao cơ bản đất nông nghiệp (vượt kế hoạch 1 tháng). UBND tỉnh Thái Bình chỉ đạo tháng 9/2021 kiểm đếm xong đất ở để bàn giao trước tháng 12/2021.

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa
Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 6288 2006

Fax: (024) 6288 2008

Website: <http://www.vdsc.com.vn>

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Sudico, Đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 8689.566/88

Fax: (84.4) 8686.248

3. Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán.

Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu dùng để góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân của Công ty là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Khối lượng chào bán ra công chúng đợt này là 10.000.000 cổ phiếu (tương đương 35,63% số lượng cổ phiếu đang lưu hành hiện tại của CTCP Damsan). Giá chào bán cổ phiếu là 10.000 đồng/cổ phiếu. Giá trị sổ sách tại thời điểm 30/06/2021 là 16.826 đồng/cổ phiếu, thu nhập trên mỗi cổ phiếu của Công ty (EPS) năm 2020 là 705 đồng/cổ phiếu. Cùng với đó Công ty thực hiện chi trả cổ tức trong năm 2019 là 10%, trong năm 2020 là 10%.

Với những thông tin trên, chúng tôi – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt – Chi nhánh Hà Nội cho rằng đây là cơ hội tốt cho nhà đầu tư sở hữu thêm cổ phiếu ADS và khả năng



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Công ty chào bán thành công cao vì mức giá chào bán tương đối hấp dẫn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

4. Đại lý phát hành cho cổ đông hiện hữu

Công ty sẽ phân phối và thông báo quyền mua cổ phiếu ADS cho các cổ đông Công ty thông qua các Công ty Chứng khoán – Thành viên lưu ký của VSD. Trường hợp cổ đông chưa lưu ký, Công ty sẽ thông báo và phân bổ quyền mua đến từng cổ đông.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

[Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống]



Thời biểu, ngày 29.. tháng 9.. năm 2021

ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH H.Đ.QT
Vũ Huy Đông

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Huy Đức

TRƯỞNG BAN KIỂM
SOÁT

Phạm Thị Hằng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
TÀI CHÍNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Luân Chiến

KẾ TOÁN TRƯỞNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Lê Luân Chiến

ĐẠI DIỆN TỜ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT - CHI NHÁNH HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



TRẦN THĂNG LONG



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

XII. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thay đổi gần nhất;
2. Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 số 24042021/NQ-ĐHĐCĐ/ADS ngày 24/04/2021 của Công ty Cổ phần Damsan thông qua phương án tăng vốn điều lệ năm 2021;
3. Nghị quyết Hội đồng quản trị số 12082021/NQ-HĐQT ngày 12/08/2021 của Công ty Cổ phần Damsan thông qua triển khai phương án tăng vốn điều lệ năm 2021 và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
4. Bản sao hợp lệ điều lệ công ty;
5. Bản sao hợp lệ báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2019, 2020 đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Damsan;
6. Bản sao hợp lệ báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2021 đã được soát xét của Công ty Cổ phần Damsan;
7. Các tài liệu liên quan đến Công ty Cổ phần Đầu tư Thái Bình Cầu Ngân và Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ từ thành phố Thái Bình đi Cầu Ngân.